HT. THÍCH THANH TỪ

KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

GIẢNG GIẢI



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

MỤC LỤC:

PHẦN TỔNG KHỞI 1
CHƯƠNG 1 5
CHƯƠNG 2 14
CHƯƠNG 3 19
CHƯƠNG 4 21
CHƯƠNG 5 25
CHƯƠNG 6 26
CHƯƠNG 7 29
CHƯƠNG 8 32
CHƯƠNG 9 37
CHƯƠNG 10 40
CHƯƠNG 11 44
CHƯƠNG 12 54
CHƯƠNG 13 62
CHƯƠNG 14 64
CHƯƠNG 15 66

CHƯƠNG 16 73
CHƯƠNG 17 76
CHƯƠNG 18 77
CHƯƠNG 19 82
CHƯƠNG 20 84
CHƯƠNG 21 86
CHƯƠNG 22 89
CHƯƠNG 23 91
CHƯƠNG 24 93
CHƯƠNG 25 95
CHƯƠNG 26 95
CHƯƠNG 27 97
CHƯƠNG 28 99
CHƯƠNG 29 100
CHƯƠNG 30 102
CHƯƠNG 31 103
CHƯƠNG 32 106

CHƯƠNG 33 107
CHƯƠNG 34 110
CHƯƠNG 35 116
CHƯƠNG 36 117
CHƯƠNG 37 121
CHƯƠNG 38 123
CHƯƠNG 39 127
CHƯƠNG 40 128
CHƯƠNG 41 131
CHƯƠNG 42 133

PHẦN TỔNG KHỞI

Ngài Ca-diếp Ma-đằng và ngài Trúc Pháp Lan, từ Ấn Độ được vua Hán Minh Đế thỉnh về Trung Hoa dịch kinh, các ngài hợp tác dịch bộ kinh này đầu tiên.

Sau khi Thế Tôn thành đạo, ngài nghĩ thế này: Lìa dục tâm được tịch tịnh, đó là hơn hết. Trụ tâm trong đại thiền định để hàng phục các ma quân. Ở trong vườn Lộc Uyển chuyển bánh xe pháp Tứ đế độ năm anh em ông Kiều-trần-như đều chứng đạo quả. Lại có những Tỳ-kheo trình bày những điều nghi của mình cầu Phật chỉ dạy. Thế Tôn giảng giải, mọi người đều được khai ngộ, chắp tay kính vâng và thuận theo lời Phật dạy.

Giảng:

Đây là phần tổng khởi.

Sau khi đức Phật thành đạo dưới cội Bồ-đề, ngài nghĩ phải lìa dục để tâm được tịch tịnh - tịch tịnh tức là yên lặng - đó là hơn hết. Và trụ tâm nơi thiền định để hàng phục các ma quân. Như vậy đối với người tu hành, không gì quý bằng lìa được tham dục để tâm thanh tịnh, đó là tột cùng. Dục chia làm năm thứ: tài, sắc, danh, thực, thùy. Ham mê tiền của là tài dục, ham mê sắc đẹp là sắc dục, ham mê danh vọng là danh dục, ham mê ăn uống là thực dục, ham mê ngủ nhiều là thùy dục. Đó là phần ngũ dục thô, hay ngũ dục cạn. Còn ngũ dục tế là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Mắt thấy hình sắc đẹp đẽ mê thích là sắc dục, tai nghe tiếng hay sanh ưa là thanh dục, mũi ngửi mùi thơm yêu thích là hương dục, lưỡi nếm vị ngon ưa mến là

vị dục, thân xúc chạm cái gì hợp liền thích thú là xúc dục. Năm dục đó gồm hết tất cả sự vật hiện có. Như vậy, lìa dục là lìa tất cả những ham muốn đắm mê, tâm được an tịnh, đó là hơn hết.

Muốn được tâm thanh tịnh hoàn toàn, phải an trụ trong thiền định và hàng phục các ma quân. Ma quân ở đây chỉ cho các phiền não làm chướng ngại sự tu hành.

Sau khi suy nghĩ, đức Phật đi đến vườn Lộc Uyển, đem pháp Tứ đế độ năm anh em ông Kiều-trần-như, nhân đó các ngài đều chứng đạo quả. "Chuyển Tứ đế pháp luân" là từ pháp Tứ đế đức Phật lặp lại ba phen để các đệ tử nhận hiểu được, gồm có: Thị chuyển, Khuyến chuyển, Chứng chuyển.

Thị chuyển: Ngài dạy Tứ đế một cách khách quan. Đây là Khổ, đây là Tập, đây là Diệt, đây là Đạo.

Khuyến chuyển: Ngài khuyên đệ tử nên tu Tứ đế. Đây là Khổ các ông nên Biết, đây là Tập các ông nên Đoạn, đây là Diệt các ông nên Chứng, đây là Đạo các ông nên Tu.

Chứng chuyển: Ngài đem chính mình ra chứng minh. Đây là Khổ chính ta đã biết, đây là Tập chính ta đã đoạn, đây là Diệt chính ta đã chứng, đây là Đạo chính ta đã tu.

Ngài lặp lại Tứ đế ba lần như vậy gọi là chuyển mười hai phần pháp luân. Khi ngài nói qua ba lần đó, năm anh em ông Kiều-trần-như đều chứng đạo quả. Năm vị này là những đệ tử đã theo Phật lúc ngài tu khổ hạnh và bỏ đi khi Phật ăn uống lại.

Lại có những Tỳ-kheo trình bày các cái nghi của mình cầu Phật dạy bảo, Thế Tôn giảng giải để phá tất cả nghi ngờ cho

họ. Mọi người đều chắp tay kính vâng và thuận theo lời Phật dạy.

Đây là phần tổng khởi hay phần duyên khởi chứ chưa vào kinh.

CHƯƠNG 1

Chánh văn:

Phật nói: Những người đã từ biệt cha mẹ, bà con thân thuộc xuất gia, phải biết rõ tâm mình, nhận ra tột cùng nguồn gốc các pháp, hiểu rõ pháp vô vi, mới gọi là Sa-môn. Thường thực hành 250 giới, đi đứng tới lui đều thanh tịnh, thực hành bốn chân đạo hạnh, thành A-la-hán. Bậc A-la-hán hay bay đi và biến hóa tự tại, tuổi thọ rộng vô cùng vô tận, bằng với trời đất. Kế là A-na-hàm, A-na-hàm khi tuổi thọ hết, thần thức sẽ sanh lên

cõi trời thứ mười chín, mới chứng A-la-hán. Kế là Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm còn một phen sanh lên cõi trời và một phen trở lại nhân gian mới chứng A-la-hán. Kế là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn còn bảy phen chết và bảy phen sanh mới chứng A-la-hán. Ái dục đoạn dứt như chặt hết tay chân, không dùng nữa.

Giảng:

Người đã từ biệt cha mẹ, bà con thân thuộc xuất gia phải biết rõ tâm mình, nhận ra tột cùng nguồn gốc các pháp và trong khi tu phải hiểu rõ pháp vô vi, như vậy mới xứng đáng gọi là Sa-môn. Sa-môn là chỉ những người tu, bây giờ gọi là tu sĩ. Nếu xuất gia tu hành mà không hiểu được những điều này thì chưa xứng đáng là Sa-môn. Như câu chuyện ngài Hoàng Bá thấy

người bạn đồng hành dùng thần thông qua suối, ngài nói: "Nếu tôi biết trước đã chặt bắp đùi huynh".

Như vậy gốc của sự tu là phải nhận được đâu là thật tâm mình, thấy cho tường tận gốc các pháp và khi tu phải hiểu được pháp vô vi, chứ không phải lấy thần thông làm trọng. Ai lấy thần thông huyền bí làm cốt yếu của sự tu là lầm. Phàm tu phải biết được tâm, biết tâm không phải là biết cái suy nghĩ tính toán, mà là biết cái nào chân, cái nào vọng. Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật dạy biết tâm là phải biết đâu là giặc, đâu là con, đừng nhận giặc làm con. Nhìn lại tâm mình, biết cái nào vọng thì bỏ, cái nào chân thì theo.

Đạt bổn là thấy tường tận gốc các pháp, tức là thấy được tánh các pháp, thấy được như vậy mới không lầm theo hình

tướng của nó. Chỉ bốn chữ *Thức tâm đạt bổn* cũng đủ cho chúng ta tu suốt kiếp.

Giải vô vi pháp là hiểu được pháp vô vi. Gần đây, người ta thường lầm cho tu vô vi là ngồi yên để *điện thiêng liêng* phù trợ, hoặc nhịn đói v.v... đó là lầm to. Chữ vô vi trong nhà Phật có nghĩa là vô sanh, không sanh không diệt gọi là vô vi. Phàm cái gì có hình tướng đều là vô thường, theo thời gian mà hư hoại, chứ không trường tồn. Và cái gì có động đều có sanh diệt. Như thân chúng ta có hình tướng nên bị vô thường chi phối phải chịu sanh già bệnh chết. Đem thân vô thường này nói tu vô vi là không thể được. Cuộc sống của chúng ta là một dòng chuyển động. Chúng ta sống nhờ mũi hít vào thở ra, tim đập từng nhịp v.v... Nếu khi tim ngừng đập, mũi ngừng thở, sự sống chúng ta cũng ngừng lại. Chúng ta nhận sự suy nghĩ

tính toán làm tâm mình. Tâm suy nghĩ tính toán lăng xăng tiếp nối không dừng, nên cũng là sanh diệt vô thường.

Như vậy thân chúng ta là hình tướng vô thường, cuộc sống là một dòng chuyển động không dừng và tâm sanh sanh diệt diệt. Nếu lấy thân, tâm và sự sống này làm chỗ y cứ tu hành, dù nói tu vô vi cũng không ra ngoài sanh diệt. Thí dụ như có người nói tu vô vi bằng cách làm thinh, nhưng làm thinh trên thân hình tướng này, trong lúc đó vẫn sống trong cái động của thân và tâm. Điện lực bên ngoài phụ vào cũng là sanh diệt, mà gọi tu vô vi là lầm, không phải nghĩa vô vi trong nhà Phật. Trong nhà Phật nói phàm những gì có hình tướng, có động tác đều gọi là hữu vi, dù cho ngồi yên lặng cũng là hình tướng, động tác nên gọi là hữu vi. Vô vi là không hình tướng, không động tác. Thế

nên nghĩa vô vi trong nhà Phật rất sâu, rất khó, nhưng như vậy không có nghĩa là phủ nhận thân tâm này. Trong thân tâm này vẫn có cái không sanh diệt, nhưng vì lâu nay chúng ta cứ chấp nhận cái sanh diệt làm mình cho nên chỉ tu hành trong cái sanh diệt. Tóm lại, xuất gia là phải tự biết được tâm, tự thấy được nguồn gốc các pháp và hiểu được pháp vô vi thì tu mới giải thoát và dạy người giải thoát, đó là thật tu, thật độ người. Không phải xuất gia một cách tầm thường, chỉ gõ mõ tụng kinh hai thời là đủ.

Những vị Sa-môn đó phải thường giữ 250 giới, oai nghi đi, đứng, tới, lui đều thanh tịnh và thực hành bốn chân đạo hạnh. Bốn chân đạo hạnh có chỗ nói là bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi nhưng sự thật bốn chân đạo hạnh này là Tứ đế. Vì theo kinh điển A-hàm, Tứ đế là bốn pháp

chân thật nhất. Nếu ngộ Tứ đế đến chỗ tột cùng là chứng A-la-hán.

A-la-hán là những vị có khả năng bay đi và biến hóa tự tại, tuổi thọ của các ngài vô cùng vô tận, bằng với trời đất. A-la-hán dịch nghĩa là Vô sanh, chứng được chỗ không còn sanh tử nữa. Phàm có sanh có tử thì có tuổi, không sanh không tử làm sao biết bao nhiêu tuổi đây, cho nên nói là bằng với trời đất, trời đất còn hoài thì các ngài cũng còn hoài. Trong tứ quả Thanh văn bên Tiểu thừa, A-la-hán là quả tột cùng - quả thứ tư.

Kế đến, quả thứ ba là *A-na-hàm*, những vị này khi tuổi thọ hết, linh thần hay thần thức sanh lên cõi trời thứ 19 trong Sắc giới, gọi là trời A-na-hàm, tu một thời gian nữa mới chứng A-la-hán.

Quả thứ hai là *Tư-đà-hàm*, những vị này còn một phen sanh lên cõi trời và một

phen sanh trở lại nhân gian, mới chứng được A-la-hán.

Quả thứ nhất là *Tu-đà-hoàn,* những vị này còn bảy phen chết, bảy phen sanh mới chứng quả A-la-hán. Tu-đà-hoàn có chỗ dịch là Nhập lưu, tức là vào dòng Thánh, từ đó luôn luôn tiến lên không còn lui sụt, nhưng phải bảy phen sanh tử mới chứng được A-la-hán.

Như vậy bên Thanh văn, quả thứ nhất Tu-đà-hoàn phải bảy phen sanh tử rồi chứng A-la-hán; quả thứ hai Tư-đà-hàm còn một phen sanh lên cõi trời, một phen trở xuống; quả thứ ba A-na-hàm một phen sanh lên cõi trời rồi chứng A-la-hán. Chỉ có quả thứ tư A-la-hán là ngay nơi đời này liền được giải thoát.

A-la-hán là những vị đã đoạn dứt ái dục như chặt hết tay chân không dùng nữa. Chặt hết bốn phần tay chân thì thân

như chết. Cũng vậy, đối với ái dục thế gian, các ngài đoạn hết nên không còn tái sanh trở lại. Trong giáo lý A-hàm, sanh tử gốc là từ ái, ái hết tức nhiên dòng sanh tử hết. Ái đây nặng về ái ngã, tức là thương mình, cho thân mình là quan trọng, chứ không phải chỉ là thương người khác. Thương mình nên mất thân này liền tạo thân khác. Trong kinh A-hàm, Phật thí dụ: Có một bọn trẻ con đùa chơi, hoặc cất chòi hoặc lấy đất vun làm núi non. Trong khi mê chơi, nếu có ai đến phá sập đồ chơi, chúng sẽ khóc la và lập tức dựng cái khác, khi còn thích chơi thì không bao giờ chịu bỏ. Khi nào chán, không thích chơi nữa, lúc đó tự nó lấy chân đạp, lấy tay hốt quăng và không làm lại. Cái thích chơi của trẻ con đó Phật thí dụ như cái ái của chúng sanh. Khi còn ái, mất thân này liền tạo thân khác, cứ như vậy hoài nên dòng sanh tử liên tục không dứt. Đến khi nào chúng

ta không ái thân này nữa, tự nhiên tu hành mới giải thoát được. Nếu còn ái, dù bị đập chết cũng liền sanh lại chứ không bao giờ dứt hẳn. Như vậy chúng ta thấy rõ, ái chính là gốc của sanh tử luân hồi vậy.

CHƯƠNG 2

Chánh văn:

Phật nói: Bậc Sa-môn xuất gia phải dứt bặt tham dục, dẹp sạch luyến ái, biết tận nguồn tâm mình, hiểu tột được lý sâu của Phật, ngộ được pháp vô vi, trong không sở đắc, ngoài không mong cầu, tâm không cột nơi đạo, cũng không kết nghiệp, không niệm, không tạo, không tu, không chứng, không trải qua các thứ lớp mà tự cao tột, gọi đó là đạo.

Giảng:

Tu là hành đạo. Hành đạo nghĩa là khi xuất gia, trước phải đoạn ái dục, biết tận nguồn tâm mình, hiểu được lý sâu của Phật và chứng ngộ được pháp vô vi, trong không sở đắc; ngoài không sở cầu. Như kinh Bát-nhã nói, còn sở đắc là còn bản ngã, đó là sanh diệt, chưa phải vô sanh, nên nói trong không sở đắc. Bên ngoài cũng không mong cầu điều gì, vì còn mong cầu là còn vọng tưởng. Trong không thấy có sở đắc tức là không có ngã; ngoài không thấy có pháp để mong cầu, đó mới thật là hết vọng.

Tâm không cột nơi đạo cũng không kết nghiệp. Chỗ này khó hiểu. Vì người tu phải luôn luôn tâm tâm niệm niệm hướng về đạo, mà ở đây nói tâm không cột nơi đạo, cũng không kết nghiệp. Tại sao vậy? Đạo là chỗ không thể dùng danh ngôn hay

tư tưởng để nghĩ hay xét, chỉ có thể thể nhập được thôi. Chỗ không thể suy nghĩ mà cứ cột tâm, tức nhiên tự mình ràng buộc lấy mình, không thể đạt được đạo. Muốn đạt đạo, đừng cột tâm vào chỗ nào, cũng đừng tạo thêm nghiệp. Tâm phải thênh thang khoáng đạt, trong nhà thiền gọi là vô tâm, tâm mà vô tâm, tức là không khởi vọng niệm chạy theo đạo, như vậy tự nó đạt đạo. Còn khởi vọng niệm mong được đạo, đó là chưa được, nên nói tâm không ràng buộc nơi đạo. Đạo là chỉ thể chân thật không sanh không diệt. Cũng không kết nghiệp là không tạo nghiệp gì hết.

Không niệm, không tác, không tu, không chứng. Chỗ này rất khó hiểu. Tuy là kinh A-hàm, nhưng những bài này lại giống giáo lý Đại thừa. Vô niệm là tâm không khởi vọng niệm, khi khởi nghĩ là

niệm, khởi nghĩ liên tục là niệm niệm tiếp nối, bặt dứt không khởi nghĩ là vô niệm. Tạo tác là những hành động về hình tướng. Tâm khởi nghĩ rồi phát ra những hành động bên ngoài gọi là tạo tác. Khi tâm đã bặt, tạo tác cũng theo đó mà *không*. Không tu, không chứng mà có tu có chứng hay không? Trong kinh Kim Cang nói Phật không có một pháp để chứng, không được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tức là không chứng được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Phật không chứng nên đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký ngài thành Phật. Như vậy không chứng mà chứng. Bây giờ chúng ta nói tu, bên ngoài siêng năng gõ mõ tụng kinh, nhưng bên trong vọng khởi lăng xăng. Còn bậc đạt đạo nói không tu, nhưng bên trong không một niệm dấy khởi, nên chư Tổ nói không tu mà tu, không chứng mà chứng là chỗ đó. Người không hiểu, lầm

nghĩ không tu, không tạo tác, không chứng thì thành không rồi! Nhưng không phải. Vì tâm không khởi vọng nên nói không tu, không đạt. Chính khi không thấy có ngã đạt được, đó là chỗ chứng đạo, cho nên không chứng mà chứng. Như vậy kinh điển Đại thừa và Tiểu thừa đều phải đi tới chỗ tột cùng đó chứ không thể nào tu lơ mơ được. Tu là phải đi tới chỗ giải thoát, chỗ cao tột. Muốn giải thoát phải không niệm, không tạo, không tu, không chứng, như vậy mới hợp đạo.

Tóm lại, chương hai nói về hạnh người xuất gia. Hạnh người xuất gia là phải tự mình thâm đạt được giáo lý của Phật cho tột cùng, rõ biết nguồn tâm mình. Đối với đạo, tâm phải thênh thang, bặt hết vọng tưởng là hợp với đạo, đó là hạnh của người tu. Hai chương đầu đều nói về bản nguyện

hay cội gốc của người xuất gia, phải làm sao cho xứng đáng là bậc Sa-môn.

CHƯƠNG 3

Chánh văn:

Phật nói: Người đã cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn, thọ học giáo lý của Phật phải bỏ hết tiền của thế gian, đi xin ăn chỉ để cầu vừa đủ sống. Giữa trưa ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm, dè dặt đừng tái phạm. Làm cho người ngu si là ái và dục vậy.

Giảng:

Người đã cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn, tức tu sĩ chịu lễ xuất gia và thọ học giáo lý Phật, phải bỏ hết tiền của thế gian, đi xin ăn chỉ để cầu vừa đủ no, vừa đủ sống thôi. Giữa trưa ăn một bữa. Dưới gốc cây ngủ một đêm, không được ngủ nhiều đêm, dè

dặt đừng tái phạm. Trong kinh nói nếu ở lâu một chỗ sẽ sanh luyến ái. Chỗ nào ngủ được yên ổn thì muốn ngủ hoài, đó là luyến ái. Phật dạy ngủ một đêm, tức là bắt buộc mình phải đi chỗ khác, không được trở lại nơi đó. Như vậy mới là người khách dạo đi trong tam giới, rày đây mai đó, không trụ một chỗ. Bây giờ chúng ta tu không đi khất thực, chỉ ở một chỗ. Vì ở một chỗ nên nhiều khi cũng phải chất chứa tiền bạc, của cải v.v... đó là chúng ta đã bị mắc kẹt.

Ái và dục làm cho người ngu si, không biết được chỗ cao siêu, sáng suốt. Nếu muốn giải thoát hay an ổn phải dẹp trừ ái dục.

CHƯƠNG 4

Chánh văn:

Phật nói: Chúng sanh lấy mười việc làm lành, cũng lấy mười việc làm ác. Những gì là mười? Thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Thân có ba là sát, đạo, dâm.

Miệng có bốn là nói hai lưỡi, nói hung ác, nói dối, nói thêu dệt. Ý có ba là tật đố, nóng giận, si mê. Mười việc này không hợp đạo Thánh, gọi là mười hạnh ác. Những việc ác này nếu dừng, gọi là mười hạnh lành.

Giảng:

Chúng sanh lấy mười việc làm lành, cũng lấy mười việc làm ác. Những gì là mười? Thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Thân có ba là sát, đạo, dâm, tức là sát

sanh, trộm cắp, tà dâm. Miệng có bốn là nói hai lưỡi tức là nói đâm thọc; nói hung ác tức là mắng chửi người; nói dối là việc có nói không, việc không nói có; nói thêu dệt là dùng lời khéo léo, khôn ngoan lừa bịp người, đó là bốn lỗi ở miệng. Ý có ba là tật đố, nóng giận, si mê, tức là tham, sân, si. Nếu làm mười điều này thì gọi là Thập ác, còn dừng lại thì gọi là Thập thiện. Thập ác là tội đọa địa ngục. Thập thiện là phước sanh lên cõi trời. Hai việc phân biệt rõ ràng. Giáo lý sanh cõi trời là giáo lý thập thiện, thập thiện không gì khác hơn là dừng thập ác. Đây là nói tiêu cực. Nếu nói tích cực, thập thiện có mười điều khác.

Thân có ba là không sát sanh mà phóng sanh; không trộm cướp còn hành bố thí; không tà dâm còn dạy người giữ trinh tiết. Miệng có bốn là không nói hai lưỡi, đâm thọc cho hai bên thù hiềm nhau mà

nói cho mọi người hòa hợp; không nói hung ác mà nói những lời hòa nhã, dịu ngọt; không nói dối mà nói lời chân thật; không nói thêu dệt, trau chuốt để lừa bịp người, mà nói những lời chất trực, tức là những lời chân thật, ngay thẳng.

Đó là bốn hạnh thiện của miệng. Ý có ba là không tham lam, lại thêm lòng từ bi bố thí, cứu giúp mọi người; không nóng giận lại còn tập tánh nhẫn nhục; không si mê lại vận dụng trí tuệ sáng suốt.

Người tu muốn cầu thành Phật phải lấy mười điều lành này làm gốc. Giả sử có người tu thiền, nhập định mỗi ngày mười giờ hay mười hai giờ, khi xả thiền ra vẫn còn giận, còn si... thì không bao giờ giải thoát được. Chúng ta tu phải đi từ thấp rồi mới tới cao.

Mười điều lành này tuy thấy thường nhưng sự thực không phải thường. Muốn

lên trên thì phải đi qua cái thấp, cũng như khi muốn leo thang tới tột nấc chót phải bước qua nấc thứ hai, thứ ba... Không bước qua những nấc đó mà nói tôi đến nấc chót thì không thể tin được.

Cũng vậy, muốn tu thiền hay muốn giải thoát thì phải đủ những điều căn bản đó. Cho nên người trí, qua những lời Phật dạy căn bản này mà phân biệt được người tu thật hay tu giả. Thí dụ có người khoe tu chứng được pháp này, pháp kia, nhưng khi bị chọc tức liền nổi sân thì người đó nói khoác chứ không có tu chứng thật. Hoặc nếu có người, tuy không nói gì hết, nhưng tám gió thổi không bị lung lay thì vị đó đã hiểu đạo, chứng đạo rồi. Nên muốn biết người tu cao thấp phải nhận xét qua những hành động của họ khi có nghịch duyên xảy đến, chứ không thể căn cứ trên lời nói của họ được.

CHƯƠNG 5

Chánh văn:

Phật nói: Người có lỗi, không biết hối lỗi ăn năn, mau dứt tâm lỗi lầm kia, tội sẽ đến nơi thân, như nước đổ về biển, dần dần thành sâu rộng. Nếu người có lỗi, tự hiểu biết lỗi, đổi ác làm lành, tội tự tiêu diệt. Như bệnh được xuất mồ hôi, lần lần nhẹ đi.

Giảng:

Bài kinh này Phật dạy người có lỗi, không biết hối lỗi ăn năn, không chịu mau dứt tâm lỗi lầm, tất nhiên tội lỗi mỗi ngày một ít dồn chứa lại thành nhiều. Giống như nước chảy về biển dần dần sâu rộng là vì nước tất cả sông chảy dồn về, cho nên biển mới sâu rộng. Khi lỗi đã dồn thành nhiều rồi, nó sẽ lôi cuốn mình phải trầm luân trong sanh tử, chịu đọa trong các

đường khổ. Ngược lại, nếu mình có lỗi biết là lỗi, ăn năn, bỏ những điều lỗi trước, không làm nữa và làm tất cả những điều lành. Như vậy tội không thêm mà phước lại thêm, bao nhiêu tội cũ lần lần mòn hết, nên nói tội tự tiêu diệt. Cũng như người bệnh cảm vì bị sương gió, uống thuốc vào, mồ hôi xuất ra được, lúc đó bệnh cảm lần lần nhẹ đi.

Tóm lại, bài kinh này cốt yếu Phật dạy chúng ta biết lỗi phải bỏ ngay, đừng làm nữa. Khi biết lỗi phải ăn năn sửa đổi, trước hết bỏ những điều ác đừng tạo thêm, đồng thời từ đó về sau cố gắng làm điều lành, lần lần sẽ hết tội, hết lỗi.

CHƯƠNG 6

Chánh văn:

Phật dạy: Người ác nghe người lành, cố đến làm nhiễu loạn, các ông

nên tự kềm hãm, không giận hờn, không phiền trách. Người mang tâm niệm ác đến (hại mình) sẽ tự mang lấy cái ác.

Giảng:

Người ác nghe người nào lành, cố đến làm nhiễu loạn. Vì họ hung dữ nên nghe người nào tu hành hiền lành là tới khuấy rối. Khi đó chúng ta nên tự kềm hãm, đừng cho tâm nóng giận khởi lên, không giận hờn, không phiền trách. Lúc đó, người mang tâm niệm ác đến khuấy rối, làm hại mình sẽ tự mang lấy cái ác, chứ mình không có dính dáng. Muốn không sân trách họ, chúng ta phải hiểu rằng nếu họ chửi mà mình giận, tức nhiên mình cũng tạo cái ác tương đương với họ. Nếu chúng ta không giận, khi họ chửi tự họ chịu lấy tai họa. Đó là chúng ta biết tu, không phiền hận ai hết. Thường thường ở

thế gian hay nói người làm lành được nhiều người thương, ít có ai ghét. Nhưng sự thực không hẳn như vậy. Người lành thì người lành thương, người ác thì người ác thích. Thí dụ như người cờ bạc với nhau thì thân nhau, còn với người lương thiện không biết cờ bạc, họ cười cho là dốt, hà tiện, keo sẻn v.v...

Tóm lại, kẻ ác không ưa người hiền, người hiền cũng không chơi với kẻ ác. Kẻ ác thì hung dữ, làm những điều gây nên tội lỗi, còn người hiền không làm giống họ nên họ ghét và kiếm chuyện. Vì vậy người hiền biết tu phần nhiều bị kẻ ác quấy nhiễu. Muốn bảo vệ tâm hiền cho trọn vẹn, khi họ quấy nhiễu, phải cố gắng kềm chế, đừng nóng giận. Nếu tâm nóng giận không nổi lên, người mang tâm ác hại mình phải tự mang họa, tự chịu quả ác, chứ mình không liên hệ gì mà sợ.

CHƯƠNG 7

Chánh văn:

Phật nói: Có người nghe ta giữ đạo, tu hạnh đại nhân từ, cố ý đến mắng chửi Phật. Phật làm thinh không trả lời. Họ chửi xong, Phật hỏi: Ngươi đem lễ vật cho người, người ta không nhận, lễ vật về ngươi chăng? Người đó đáp: Về tôi. Phật bảo: Nay ngươi chửi ta, nhưng ta không nhận, ngươi tự mang họa vào thân ngươi vậy. Như âm vang theo tiếng, như bóng theo hình, trọn không xa lìa nhau, dè dặt chớ có làm ác.

Giảng:

Bài kinh này Phật đem chính Phật ra làm thí dụ. Có người nghe Phật giữ đạo một cách thanh tịnh và tu hạnh nhân từ

lớn, họ tới mắng chửi Phật. Lúc bị mắng chửi, Phật làm thinh không trả lời. Chửi một lúc lâu họ im lặng. Khi đó Phật hỏi lại: Ngươi đem lễ vật tặng người, người không nhận, lễ vật đó về ngươi không? Người đó đáp: Về tôi. Phật nói: Cũng vậy, khi ngươi chửi ta, ta không nhận, ngươi tự mang họa lấy, không có lợi gì cho ai, tự ngươi chịu quả báo. Cũng như tiếng vang là từ tiếng nói hay tiếng động dội lại mà có. Thí dụ bây giờ dưới núi có tiếng nổ, tiếng đó dội trong núi vang ra giống như tiếng nổ. Hay mình la một tiếng lớn, nó cũng dội vào núi và vang lại giống như tiếng mình la, như vậy chúng không rời nhau. Hoặc như bóng với hình, hình cong thì bóng cong, không thể nào xa rời nhau được. Cho nên phải dè dặt chớ có làm ác.

Bài kinh này là phương pháp trừ tâm nóng giận. Nếu có ai chửi mình, mình nhớ

ngày xưa khi bị chửi, Phật làm thinh không trả lời, đợi họ chửi mỏi miệng, hết chửi nữa mới hỏi: *Ông đem vật cho người, người không nhận thì về ai?* Như vậy, lỗi sanh ra sân hận là do chấp nhận. Nếu người chửi hay chọc tức mình, mình cứ lặng thinh không nhận, chừng nào họ nói mỏi mệt rồi mới nhắc lại vài câu đạo lý cho họ hiểu. Còn khi họ đang nóng giận mà mình nói lại, tức nhiên hai bên ẩu đả gây tai vạ cho nhau, chứ không có ích gì. Sở dĩ hai người chửi mắng, đánh đập nhau là do lỗi chấp nhận. Khi người ta nói, mình chấp nhận là nói mình, lời nói đó nặng, nhẹ v.v... do đó có chống cự. Bây giờ đừng chấp nhận thì mọi việc đều trôi, cho nên ở đây nói Phật không nhận nên không dính dáng. Cũng như người ta cho quà, mình không nhận, vật đó không liên hệ tới mình.

Vì vậy chúng ta phải nhớ, nhận là điều quan trọng, người ta cho mà mình nhận thì nó thuộc về mình, còn mình không nhận, nó thuộc về họ. Người ta cho, mình không nhận, chỉ nhớ bấy nhiêu là đủ tu rồi.

CHƯƠNG 8

Chánh văn:

Phật nói: Kẻ ác hại người hiền giống như ngửa mặt lên trời phun nước bọt, nước bọt chẳng đến trời, trở lại rớt trên mặt mình; ngược gió ném bụi, bụi không đến người, trở lại lấp thân mình. Người hiền không thể hại mà họa ắt diệt mình.

Giảng:

Kẻ ác hại người hiền không bao giờ được, vì người hiền không chấp nhận, như

trường hợp của Phật, khi bị chửi ngài vẫn làm thinh không trả lời. Khi chửi người, người không trả lời, mình mang tội ác khẩu, tự chuốc lấy tội, chẳng khác nào ngửa mặt lên trời phun nước bọt. Sở dĩ trên trời không dơ vì trên đó không có gì hết, cho nên không dính mà trở lại rớt trên mặt mình. Nếu trên đó có tờ giấy hay cái gì khác thì đã bị dính nước bọt rồi. Không dính vì không chấp nhận, tất nhiên cái đó trở lại hại người gây nên nó. Khi người ta chửi mình, nếu mình chửi lại, hai người cũng ác như nhau, không có ai là người hiền. Còn nếu người ta chửi, mình không chửi lại, tự họ cũng thấy người nào hiền, người nào dữ rồi.

Như vậy muốn thành người hiền, đừng chửi lại người dữ, người dữ tự họ thành kẻ dữ chứ mình không dính dáng, cũng như ngước mặt lên trời phun nước

bọt hay ngược gió ném bụi, tự họ phải chịu tai họa. Nhà Nho nói: *Hàm huyết phún nhân, tiên ô tự khẩu*, ngậm máu phun người, trước dơ miệng mình, nghĩa là kẻ ác muốn hại người mà thành tự hại.

Tóm lại Phật dạy điều cốt yếu của sự tu hành là đừng nóng giận. Chúng ta đã phát nguyện tu hành, tất cả những gì người ta đem đến có thể làm mình mất tư cách, mình cũng đừng chấp nhận. Thí dụ người ta nói cô đó tu hiền, hạnh kiểm tốt. Nhưng nếu có người tới kiếm vài chuyện chọc tức, khi đó mình nổi giận la lối thì cái tốt, hiền, đức hạnh đó còn hay hết? Đức hạnh còn là khi người ta chọc tức, mình cũng vẫn tươi vui. Ngược lại, mình chấp nhận rồi tức lên la lối thì đức hạnh mình đã mất.

Như vậy tu hành là đừng chấp nhận, dù họ tới chọc tức, mình cũng yên lặng,

khi đó họ tự mang họa chứ mình không dính dáng. Người tu bây giờ phần nhiều khó nhịn lắm, nói tức sơ sơ đã khó chịu rồi, huống nữa là chửi. Cho nên những bài kinh này phải nhớ thuộc lòng. Khi bị chửi, mình nhớ những người đó cho mình món quà, nếu mình không nhận, vật đó tự về họ; họ chửi, họ tự mang họa, chứ mình đâu có dính dáng gì.

Nhưng tôi thấy có khi chỉ nghe người ta nói chuyện cách vách mà có dính tới tên mình là đã tò mò muốn hỏi, muốn nhận rồi. Như vậy chẳng những mình nhận ngay mặt thôi, mà người ta chưa cho đã sửa soạn lấy trước rồi. Chúng ta ở chung với nhau một chùa hay một xóm phải nhớ kỹ những điều này. Giả sử hai người chơi thân với nhau, có một người lại nói: Cô A hôm đó nói xấu cô thế này thế nọ. Vừa nghe nói, nếu mình chấp nhận thì sẽ nổi

giận lên la lối mà không biết cô A có nói thật không. Rồi cô A nghe lại tức nữa, vậy là hai bên giận nhau. Chi bằng nghe rồi mình nhẫn nhịn đợi hỏi lại xem có thật không.

Nếu có thật, mình chỉ hỏi: "Tôi có lỗi gì?" Như vậy chắc không đến nỗi giận nhau. Chứ mới nghe phong thanh liền chấp nhận, chuyện nhỏ trở thành to, huynh đệ bất hòa nhau là lỗi tại đây.

Khi học bài kinh này rồi phải nhớ là người ta chửi ngay mặt mình còn nhịn được, huống là nói ở đâu xa. Thế nên đừng chấp nhận một điều gì hết, đó là an ổn nhất, đó cũng là phương pháp Phật đã thực hành ngày xưa vậy.

CHƯƠNG 9

Chánh văn:

Phật nói: Người học rộng, mến đạo nhiều, đạo ắt khó hội. Người giữ chí để phụng đạo, đạo đối với họ mới thật lớn.

Giảng:

Phật nói: Người học rộng, mến đạo nhiều, đạo ắt khó hội, tức là khó hội được đạo. Thủ chí phụng đạo, tức là giữ chí để phụng thờ đạo thì đạo đối với những người đó mới thật là lớn, là sâu vậy. Tại sao? Vì dù học rộng, hiểu Phật pháp nhiều, biện bác như nước chảy, trả lời thông suốt mà không bền chí tu hành, thì khi gặp chướng duyên liền chán nản, thối chí. Như vậy tuy hiểu đạo mà không đạt đến nơi đến chốn.

Có người thấy Phật từ xa liền lạy, gặp chư tăng cũng mọp sát đất, đó là tâm mộ đạo thật nhiều, thật rộng. Nhưng trên đường tu lại có những điều mong cầu, nếu được thỏa nguyện thì hoan hỷ, kính trọng Phật pháp; nếu không được như ý thì chán nản, thối chí, nên đối với đạo không tới đâu được. Chỉ có người bình thường, tu hành chỉ biết Phật pháp, hiểu biết đúng căn bản, không cầu hiểu rộng, nhưng lúc nào cũng một lòng một dạ, nguyện trọn đời chết sống vì đạo, tu hành thuận duyên cũng vui vẻ tiến, nghịch duyên cũng gắng tiến, quyết chết chứ không bao giờ thối chí, người như vậy mới có thể đạt được đạo lớn. Còn những người dù mộ đạo lắm hay học rộng mấy mà không có chí thì không bao giờ đạt được đạo sâu rộng. Tại sao? Như ở thế gian, muốn làm bác sĩ, người ta phải cần cù học tập sau bao nhiêu năm, nên phải có chí lắm mới được. Huống nữa làm

Phật là việc rất khó. Vì Phật là vị *thiên nhân chi đạo sư, tứ sanh chi từ phụ*, là thầy của trời người, là cha lành của bốn loài, tất nhiên phải trải qua bao nhiêu khổ nhọc, bao nhiêu thử thách mới đạt được.

Nếu người không có chí, khi nghe nói Phật là quý thì ái mộ kính trọng, đến khi gặp chướng ngại thì nản lòng, làm sao đi tới đâu! Và dù học rộng đến đâu, khi tu gặp chướng ngại liền thối chí, làm sao đạt được đạo? Chỉ có người một còn một mất trong việc tu hành, chết cũng nằm ngay trước bàn Phật chết, còn sống ngày nào ngày đó cứ tu, dù thiên hạ chửi mắng, hành hạ gì cũng được, ngày nào cũng nhắm sâu vào sự tu, người đó mới đi đến nơi đến chốn. Như con đường rất xa, người dù mạnh mà không có sức dai dẳng, đi một chút mệt quá cũng thối chí; còn người ham đi cách mấy mà không có sức nhẫn

nại, đi một lúc mỏi chân cũng muốn lui; chỉ có người chịu đựng dai dẳng, bền chí, dù gặp khó cũng không lo, gặp vui cũng không mừng, không hăng hái quá nhưng quyết đi hoài, người đó mới đến đích.

Cũng vậy người tu phải lập chí vững như sắt đá, một còn một mất trong việc tu mới có thể đạt đạo. Nếu tu lơ mơ, gặp cảnh vui thì tu, gặp cảnh buồn muốn trở về thế tục, những người đó không đi tới đâu hết. Thế nên ở đây Phật dạy: Học rộng, mến đạo nhiều, khó hội được đạo; còn thủ chí phụng đạo mới có thể hội được đạo.

CHƯƠNG 10

Chánh văn:

Phật nói: Thấy người bố thí, làm việc đạo, mình giúp đỡ và sanh tâm hoan hỷ, được phước rất lớn. Có vị Sa-môn hỏi: Phước đó hết chăng? Phật

dạy: Như lửa của một cây đuốc, trăm ngàn người cầm đuốc đến mồi đem về hoặc nấu cơm, hoặc thắp sáng, cây đuốc kia vẫn như cũ, phước cũng như thế.

Giảng:

Thấy người bố thí, làm việc đạo, mình giúp đỡ và sanh tâm hoan hỷ, được phước rất lớn. Có vị Sa-môn hỏi:

Phước của người bố thí, làm việc đạo đó có hết chăng? Phật nói: Như có một cây đuốc sáng, trăm ngàn người cầm đuốc đến mồi, đem về hoặc nấu cơm hoặc thắp sáng, cây đuốc thứ nhất vẫn sáng như cũ, phước người bố thí cũng như vậy.

Giả sử trong xóm có mười nhà, một nhà làm việc Phật pháp như bố thí, làm việc đạo; những người khác đều phát tâm giúp đỡ và hoan hỷ theo, những người đó

đều được phước như nhà bố thí, làm việc đạo kia. Như vậy mình bố thí được phước mười phần, có phải đem chia hết cho những người tùy hỷ giúp đỡ mình không? Phật nói không phải. Người giúp mình được phước, mà phước mình vẫn còn nguyên không mất. Như cây đuốc của mình đã sáng, bây giờ một ngàn cây đuốc khác đến mồi được cháy sáng, cây đuốc mình vẫn sáng như thường, ánh sáng không mất. Như vậy người phát tâm hoan hỷ giúp người khác làm việc thiện được phước bằng với người làm việc thiện.

Theo quan niệm thế gian, con người luôn luôn có tánh xấu là thấy người làm việc gì được thiên hạ hoan nghênh, khen tặng mà mình không làm được thì sanh tâm đố kỵ. Thí dụ hai người cùng đi tới nhà một người khác, người chủ nhà chỉ khen một người, còn người kia không ngó

ngàng tới, người đó sẽ bực bội, đó là tâm đố kỵ hay tật đố, tức là thấy người ta hơn mình thì ghét. Tâm tật đố cũng ngang như tâm sân hận.

Chúng ta học kinh không phải chỉ học trên chữ nghĩa thôi, phải ứng dụng được lời Phật dạy vào cuộc sống hàng ngày của mình mới gọi là học kinh để tu. Nếu học chữ nghĩa suông, cả đời cũng không tu gì được. Ở đây Phật nói phước của người bố thí, làm việc đạo với phước của người phát tâm hoan hỷ trợ giúp bằng nhau. Xét về phần tâm lý, người phát tâm bố thí, làm việc đạo là có tâm từ thiện, hay tâm từ bi làm lợi ích chúng sanh, đó là phước đành rồi. Còn người trợ giúp và sanh tâm hoan hỷ, tại sao lại có phước? Bởi vì thấy người làm việc lành thì vui theo và giúp sức vào, đó là người lành nên cũng được phước. Người ta có tiền làm việc lành, mình

không tiền của nhưng vui theo, tất nhiên trong lòng mình cũng lành ngang với người làm lành kia nên vẫn có phước. Còn người sanh tâm đố kỵ nên phải mang tội, mang họa. Người lành thấy ai làm việc lành thì phát tâm hoan hỷ, còn kẻ dữ lại đố kỵ kiếm chuyện bươi móc, hoặc chọc tức.

Tóm lại bài kinh này Phật dạy: Người phát tâm hoan hỷ được phước lớn vì người đó có tâm thiện không thua gì người kia, nên phước cũng như vậy.

CHƯƠNG 11

Chánh văn:

Phật nói: Cho cơm một trăm người ác ăn không bằng cho cơm một người lành ăn. Cho cơm một ngàn người lành ăn không bằng cho cơm một người giữ năm giới ăn. Cho cơm một

muôn người giữ năm giới ăn không bằng cúng dường cơm một vị Tu-đà-hoàn ăn.

Cúng dường cơm một trăm muôn vị Tu-đà-hoàn ăn không bằng cúng dường cơm một vị Tư-đà-hàm ăn. Cúng dường cơm một ngàn muôn vị Tư-đà-hàm ăn không bằng cúng dường cơm một vị A-na-hàm ăn. Cúng dường cơm một ức vị A-na-hàm ăn không bằng cúng dường cơm một vị A-la-hán ăn. Cúng dường cơm mười ức vị A-la-hán ăn không bằng cúng dường cơm một vị Bích-chi Phật ăn. Cúng dường cơm một trăm ức vị Bích-chi Phật ăn không bằng cúng dường cơm một vị Phật trong ba đời chư Phật ăn. Cúng dường cơm một ngàn ức vị Phật trong ba đời chư Phật ăn

không bằng cúng dường cơm một vị không niệm, không trụ, không tu, không chứng ăn.

Giảng:

Chương này khó. Đây là nói công đức so sánh tương đối. Cho cơm một trăm người ác ăn không bằng cho cơm một người lành ăn. Vì người lành làm phước đức, làm việc tốt, còn người ác làm việc xấu, nên cho người lành ăn là hơn.

Cho cơm một ngàn người lành ăn không bằng cho cơm một người giữ năm giới ăn. Người biết giữ năm giới hơn một ngàn người lành.

Cho cơm một muôn người giữ năm giới ăn không bằng cúng dường cơm một vị chứng quả Tu-đà-hoàn ăn. Bởi vì người giữ giới chỉ được phước nhân thiên thôi, chưa phải là giải thoát. Người chứng quả

Tu-đà-hoàn là đã vào dòng Thánh, đã đi tới chỗ giải thoát nhất định, không còn lui sụt nữa, cho nên cao hơn.

Cúng dường cơm một trăm muôn vị Tu-đà-hoàn ăn không bằng cúng dường cơm một vị Tư-đà-hàm ăn. Vì Tu-đà-hoàn phải bảy phen sanh tử, còn Tư-đà-hàm chỉ một phen sanh lên cõi trời, một phen trở lại nhân gian.

Cúng dường cơm một ngàn muôn vị Tư-đà-hàm ăn không bằng cúng dường cơm một vị A-na-hàm ăn. A-na-hàm chỉ một phen sanh lên cõi trời là được vô sanh.

Cúng dường cơm một ức vị A-na-hàm ăn không bằng cúng dường cơm một vị A-la-hán ăn. A-la-hán là đã tới quả vô sanh rồi.

Cúng dường cơm mười ức vị A-la-hán ăn không bằng cúng dường cơm một vị

Bích-chi Phật ăn. Bích-chi Phật có nghĩa là Độc giác.

Cúng dường cơm một trăm ức vị Bích-chi Phật ăn không bằng cúng dường cơm một vị Phật trong ba đời chư Phật ăn. Phật là địa vị cao tột. Thế mà:

Cúng dường cơm một ngàn ức vị Phật trong ba đời chư Phật ăn không bằng cúng dường cơm một vị không niệm, không trụ, không tu, không chứng. Vị này là tột hơn hết. Vị đó là vị nào? Trong kinh thường nói Phật là vô thượng, không ai cao hơn nữa, tại sao bây giờ lại có vị này cao hơn Phật? Bài kinh này khó và rắc rối nhất ở chỗ này. Từ đầu đến đây là nói công đức so sánh từ thấp lên cao, như bố thí cho người ác không bằng người hiền, người hiền không bằng người giữ năm giới, người giữ năm giới không bằng người chứng Tu-đà-hoàn, người chứng Tu-đà-

hoàn không bằng người chứng Tư-đà-hàm v.v... cho tới Phật, nhưng tới người cuối không biết giải thích làm sao, không biết người đó là người gì mà lạ quá, ngoài sự so sánh bình thường! Thực ra, đây cũng nằm trong trường hợp so sánh từ thấp lên cao mà người cao tột là người không niệm, không trụ, không tu, không chứng.

Phật có ba thân: Một là Pháp thân, hai là Báo thân, ba là Hóa thân. Phật Thích-ca sanh ở Ấn Độ là Hóa thân. Mười phương chư Phật hiện thân hóa độ chúng sanh đều gọi là Hóa thân Phật, tùy chúng sanh hóa hiện. Thí dụ Phật muốn độ người Việt Nam thì ngài sanh ra ở Việt Nam và cũng có tuổi thọ như người Việt Nam, có sanh có diệt nên không dài lâu. Còn Báo thân Phật cũng có hình tướng, từ hạnh nguyện tu hành của các ngài mà đầy đủ phước đức như sở nguyện. Thí dụ như

đức Phật A-di-đà phát 48 lời nguyện, bây giờ được cõi Cực Lạc, thân tướng tốt đẹp đúng như các lời nguyện, đó là Báo thân Phật. Báo thân có hình tướng, có cõi nước, nên xét về lý cứu cánh, như kinh Kim Cang nói: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nghĩa là phàm có hình tướng đều là hư vọng, không thật. Giả sử có người sống mười tuổi chết sánh với người sống một trăm tuổi chết, dưới cái nhìn của phàm phu thấy tuổi thọ người này quá ngắn, người kia quá dài. Nhưng nếu có người sống một triệu tuổi chết thấy người sống mười tuổi với người sống một trăm tuổi cũng như nhau. Huống nữa có người không từng chết thấy bao nhiêu tuổi cũng không nghĩa lý gì. Như vậy đối với Báo thân thì Hóa thân là cái sanh diệt hết sức tạm bợ. Còn Báo thân tuổi thọ dài hơn, sung sướng hơn, đầy đủ phước đức hơn, nhưng cũng còn sanh diệt, có ngắn, có dài.

Chỉ có Pháp thân là không sanh không diệt. Thể nhập được Pháp thân bất sanh bất diệt rồi không còn biết kể bao nhiêu tuổi nữa, không có gì bì được.

Hóa thân của Phật Thích-ca ở Ấn Độ có xuất gia tu chứng thành đạo, nên Hóa thân có tu có chứng. Báo thân Phật A-di-đà là do ngài tu theo 48 lời nguyện rồi sau mới được thọ hưởng thân đó, nên Báo thân cũng có tu có chứng. Pháp thân không hình tướng nên không có chỗ trụ. Không hình tướng nên không do tu hành được. Không hình tướng nên không có chỗ chứng đắc, nếu có chỗ chứng đắc là còn bản ngã. Không hình tướng mà luôn luôn thanh tịnh nên không có vọng niệm dấy khởi, tức là vô niệm. Vì vậy nói không niệm, không trụ, không tu, không chứng là chỉ Pháp thân Phật. Thế nên cúng dường bao nhiêu Phật Hóa thân cũng

không bằng cúng dường một Phật Pháp thân. Pháp thân Phật ở đâu? Tìm Hóa thân Phật đã khó, huống là tìm Pháp thân Phật. Nhưng phải tìm cho ra Pháp thân Phật để cúng dường, vì cúng dường như vậy mới gọi là cúng dường cứu cánh viên mãn.

Trong bài sám hối thường tụng có đoạn: *Thập phương chư Phật thường tại thế gian, pháp ưng bất tuyệt*, là mười phương chư Phật thường ở thế gian, tức là Pháp thân Phật. Pháp thân đầy khắp thế gian, vì mình không thấy, không biết, không gặp rồi tưởng là không Phật, chứ sự thật Pháp thân Phật tràn đầy khắp thế gian ở đâu cũng có. Như người mù không thấy ánh sáng, còn người có mắt thì thấy, người không hiểu không thấy Phật, người hiểu rồi sẽ thấy. Cho nên nói hướng về Pháp thân Phật cúng dường là cứu cánh.

Pháp thân Phật không niệm, không trụ, không tu, không chứng. Chính ngay trong tâm mình, khi không một niệm dấy khởi là mình đã thấy Phật. Cúng dường Pháp thân Phật là hướng về tự tâm, làm sao cho không còn vọng niệm khởi, không còn chấp ngã - thấy mình có công năng tu hành và mong cầu được chứng đắc. Khi tâm mình hoàn toàn thanh tịnh thì Pháp thân Phật hiện tiền.

Bài kinh này cốt dạy chúng ta dù tu bao nhiêu phước đức, hoặc bố thí từ thấp lên cao v.v... nhưng tới cứu cánh là phải hướng về Pháp thân và đạt được Pháp thân mới gọi là vô sanh. Nếu chưa đạt được thì cứ lẩn quẩn trong vòng sanh diệt, không bao giờ ra khỏi.

CHƯƠNG 12

Chánh văn:

Phật nói: Con người có hai mươi điều khó: Nghèo bố thí là khó; giàu học đạo là khó; bỏ thân này quyết chết là khó; thấy được kinh Phật là khó; sanh ra gặp Phật ở đời là khó; nhịn sắc nhịn dục là khó; thấy tốt không mong cầu là khó; bị nhục không sân là khó; có thế lực không ỷ là khó; gặp việc tâm không động là khó; học rộng nghiên cứu sâu là khó; trừ diệt tâm ngã mạn là khó; không khinh những người chưa học là khó; tâm hành bình đẳng là khó; không nói việc phải quấy là khó; gặp được thiện tri thức là khó; thấy tánh học đạo là khó; tùy cơ hóa độ người là khó;

thấy cảnh không động tâm là khó; khéo giải phương tiện là khó.

Giảng:

Trong hai mươi điều khó này, chúng ta kiểm lại xem đã vượt qua mấy điều, còn điều nào chưa vượt ráng tìm cách vượt qua, chỉ trừ một hai điều bất khả kháng không thể vượt được thì thôi.

Điều thứ nhất là *bần cùng bố thí nan,* nghèo bố thí là khó. Nghèo quá như mấy người chạy xe xích lô, chạy tối ngày không đủ cơm ăn, nuôi vợ nuôi con, lấy gì bố thí? Cho nên người nghèo muốn bố thí thật là một chuyện hết sức khó khăn. Còn chúng ta có thể cũng tạm tạm chưa đến nỗi bần cùng lắm, nên có thể vượt được.

Thứ hai *hào quý học đạo nan,* giàu học đạo là khó. Tại sao vậy? Nghèo bố thí khó dễ thấy, còn giàu học đạo khó là sao? Tại

mấy người giàu nay tiệc này, mai tiệc kia, nay toan tính việc này, mai lo việc khác, cứ liên miên như vậy đâu có thời gian tu hành, muốn học đạo không biết làm sao học. Còn chúng ta điều này cũng qua khỏi rồi.

Thứ ba *khí mạng tất tử nan,* bỏ thân này quyết chết là khó. Quyết bỏ thân này liều chết để tu hành là khó. Cái khó này quý vị vượt được chưa? Giả sử khi bệnh quá, có người tới nói phải ăn mặn rồi uống thuốc mới hết. Lúc đó giữa hai điều: Hoặc ăn mặn lại để sống, hoặc liều chết giữ trường chay, phải chọn cái nào? Nếu người quyết tử thì thà chết chứ không thay đổi. Còn người không quyết tử, sẽ bỏ ăn chay miễn sao sống được, rồi sau tu nữa, như vậy là chưa có khí mạng quyết tử. Hoặc như có người có thế lực bắt mình bỏ đạo ra đời rồi họ sẽ lo cho mình một đời sống sung

sướng, còn nếu tu họ sẽ quyết hại cho chết. Trường hợp đó chúng ta nghĩ sao? Nếu người nào chọn thà chết mà ở trong đạo, chứ không muốn sống sung sướng mà phải ở ngoài đời, thì gọi là *khí mạng tất tử*. Điều này chúng ta phải quyết làm cho được.

Thứ tư *đắc đổ Phật kinh nan*, tức là gặp, thấy được kinh Phật là khó. Ở đây chúng ta tương đối cũng qua được cái khó này.

Thứ năm *sanh trị Phật thế nan*, sanh ra được gặp Phật ở đời là khó. Hiện giờ chúng ta ai cũng đành chịu cái khó này.

Thứ sáu *nhẫn sắc nhẫn dục nan*, tức là gặp sắc đừng ham, gặp ngũ dục cũng không thích, đó là khó. Thế nên đối với sắc dục mình phải nhịn, không ham muốn.

Thứ bảy *kiến hảo bất cầu nan*, thấy cái gì tốt không mong cầu là khó. Điều này chúng ta ráng vượt qua, phải vượt qua.

Thứ tám *bị nhục bất sân nan*, người ta chửi bới, mình nhẫn nhịn không sân giận là khó. Nhưng chúng ta phải ráng vượt qua chứ không nên chứa nó.

Thứ chín *hữu thế bất lâm nan*, có thế lực mà không cậy mình có thế lực cũng là khó. Đối với người tu chắc dễ vì mình không có thế lực gì.

Thứ mười *xúc sự vô tâm nan*, gặp việc khó khăn hay hung dữ, tâm mình cũng không động. Vô tâm là tâm không động. Thí dụ nghe người ta nói chuyện gì khủng khiếp, tâm mình vẫn an nhiên, đó là khó. Chúng ta phần nhiều khi gặp cảnh thì hoảng hốt sợ sệt, hoặc quá mừng quá vui, phải ráng giữ làm sao gặp việc gì tâm cũng vẫn an nhiên, đó là khó.

Thứ mười một *quảng học bác cứu nan*, học rộng nghiên cứu nhiều là khó.

Thứ mười hai *trừ diệt ngã mạn nan*, tức là trừ diệt tâm ngã mạn là khó, nhưng chúng ta cũng phải ráng, nếu không diệt được ngã mạn thì khó tu.

Thứ mười ba *bất khinh vị học nan*, không khinh những người chưa học là khó. Ở người tu, không có người chưa học mà có người mới xuất gia. Thí dụ mình xuất gia ba mươi năm gặp người mới xuất gia đừng khinh họ, đó cũng là khó, nhưng phải ráng tập.

Thứ mười bốn *tâm hành bình đẳng nan*, là tâm mình đối với mọi người luôn luôn bình đẳng, không thấy sai biệt, đó là khó.

Thứ mười lăm *bất thuyết thị phi nan,* không nói việc phải quấy của người là khó. Chúng ta thấy dường như không có gì khó,

chuyện phải quấy của ai mặc ai không cần nói tới, dễ quá, tại sao Phật nói khó? Bởi vì người ta có bệnh ít khi chịu làm thinh, thấy người này làm thế này, người kia làm thế khác, liền phê bình rồi sanh ra bao nhiêu chuyện lôi thôi. Thế nên người tu đừng nói chuyện phải quấy của ai, đó là khó; mà phải như vậy mới được. Các vị tổ sư trong nhà thiền cũng có nói: *Kim cang bảo kiếm đương đầu tải, bất quản tha nhân thị dữ phi*, tức là luôn luôn dùng kiếm báu kim cang chặt thẳng ngay đầu nó, chứ đừng nghĩ tới chuyện phải quấy thế gian làm gì. Kiếm báu kim cang là trí tuệ Bát-nhã, dùng trí tuệ Bát-nhã chặt thẳng ngay đầu những phiền não dấy loạn, những vọng tưởng lăng xăng trong tâm mình, chứ đừng nói chuyện thị phi của người.

Thứ mười sáu *hội thiện tri thức nan,* gặp được bậc thiện tri thức là khó. Thầy lành bạn tốt gọi là thiện tri thức, điều này chắc không khó lắm.

Thứ mười bảy *kiến tánh học đạo nan,* thấy được tánh rồi mới học đạo là khó. Chắc rằng quý vị còn đầu hàng vấn đề này.

Thứ mười tám *tùy hóa độ nhân nan, t*ùy cơ hóa độ người là khó, phải khéo léo.

Thứ mười chín *đổ cảnh bất động nan,* thấy cảnh không động là khó. Nghĩa là gặp cảnh đừng tham, đừng tức v.v... Thí dụ thấy người ta bỏ quên một gói bạc, mình đừng khởi tâm nghĩ muốn lượm hay làm gì khác, đó là dễ hay khó? Người tu không tham, nhưng thấy của rơi cũng không nỡ bỏ, trong bụng cũng lăng xăng suy đi tính lại v.v... Cho nên nói rằng gặp cảnh không động tâm là khó.

Thứ hai mươi *thiện giải phương tiện nan,* khéo giải về phương tiện là khó. Phương tiện là gặp ai, gặp cảnh nào mình cũng tạo được phương tiện để giáo hóa, giúp đỡ họ, cái đó khó chứ không phải dễ.

Như vậy trong hai mươi cái khó đó có những điều mình không thể làm được như là gặp Phật ra đời. Còn những cái kia phải cố gắng, nếu không vượt qua hết hai mươi cái khó, ít ra cũng vượt qua được mười lăm, mười sáu cái, chứ đừng để không vượt được cái nào thì việc học đạo không tiến. Tóm lại người tu hành có hai mươi điều khó, thường nhớ kiểm điểm lại để cố gắng vượt qua.

CHƯƠNG 13

Chánh văn:

Có vị Sa-môn hỏi Phật: Do nhân duyên gì mà được tri túc mạng, hội

được chí đạo? Phật dạy: Phải giữ tâm thanh tịnh, chí bền vững, có thể hội được chí đạo. Thí như lau gương, bụi hết thì ánh sáng còn; dứt hết tham dục, không còn mong cầu sẽ được túc mạng.

Giảng:

Có vị Sa-môn hỏi Phật do nhân duyên gì mà được tri túc mạng hay túc mạng thông, tức là biết được đời trước của mình sanh ở đâu, làm gì v.v... Phật dạy dứt hết tham dục, không còn mong cầu, sau này sẽ được túc mạng. Thí dụ như lau gương, khi bụi hết, ánh sáng hiện ra. Cũng vậy, khi tu nếu đoạn hết tất cả ngũ dục, không mong cầu, lúc đó sẽ được túc mạng.

Lại hỏi làm sao hội được chí đạo, tức là ngộ được chỗ tột của đạo. Phật dạy phải giữ tâm cho thanh tịnh và có chí bền vững

không bao giờ đổi dời. Như vậy tức là tu thiền rồi. Giữ tâm thanh tịnh là định, tâm định rồi thấu hội được đạo cứu cánh, tức là hội được chí đạo, đó là phần chánh yếu Phật dạy.

Tóm lại, muốn ngộ được đạo phải giữ tâm thanh tịnh và bền chí; còn muốn được túc mạng, đối với ngũ dục đừng có tâm mong cầu mới có thể đạt được, hai điều đó không thể rời nhau.

CHƯƠNG 14

Chánh văn:

Có vị Sa-môn hỏi Phật: Sao gọi là thiện? Sao gọi là rất lớn? Phật dạy: Hành đạo giữ chân là thiện, chí cùng đạo hợp nhau là lớn.

Giảng:

Hành đạo là thực hành tu tập, thủ chân là luôn luôn gìn giữ cái chân thật, tu hành đúng đường lối chân chính, đó là thiện. Còn chí cùng với đạo hợp nhau gọi là lớn. Chữ chí ở đây có nghĩa như chữ tâm, tâm mình hợp với đạo, đó là lớn. Đạo là chỉ cho Pháp thân Phật, không niệm, không trụ, không tu, không chứng. Muốn hợp với đạo, tâm phải thanh tịnh, không có niệm dấy khởi, như vậy mới gọi là lớn.

Tất cả những hành động trong sự tu hành hằng ngày của mình như bố thí, làm phước, tu giới... bằng hình tướng gọi là thiện, chỉ được quả báo trong vòng phước đức nhân thiên thôi. Còn tâm mình hoàn toàn thanh tịnh để hội với đạo mới gọi là chỗ tột cùng rộng lớn. Hai cái khác nhau ở chỗ đó. Một bên là nói chỗ đạt đạo thành Phật, một bên là nói phước báo nhân thiên.

CHƯƠNG 15

Chánh văn:

Có Sa-môn hỏi Phật: Cái nào rất mạnh? Cái nào rất sáng? Phật dạy: Nhẫn nhục là rất mạnh, vì không ôm lòng ác, lại thêm được an ổn. Người nhẫn không làm ác ắt được người tôn trọng. Những nhơ nhớp trong tâm dẹp hết, tâm trong sạch không một vết nhơ, ấy là rất sáng. Từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay, những gì có trong mười phương, không có gì chẳng thấy, không có gì chẳng biết, không có gì chẳng nghe, được Nhất thiết trí, gọi là rất sáng.

Giảng:

Có Sa-môn hỏi Phật: Cái nào rất mạnh? Cái nào rất sáng? Phật nói: Nhẫn

nhục là rất mạnh. Tại sao vậy? Thường thường người ta hay nói nhẫn nhục là khiếp nhược, yếu đuối, tại sao trong nhà Phật lại nói nhẫn nhục là rất mạnh? Trong nhà Phật thường dùng những danh từ như: Phật là đấng Đại hùng đại lực, tức là sức mạnh phi thường và hào hùng phi thường. Nhưng Phật đã làm gì để chứng tỏ sức mạnh phi thường và hào hùng phi thường? Phật đâu có đánh ai, giận ai, chỉ có người ta chửi, Phật làm thinh, không nói lại. Vậy sức mạnh phi thường ở chỗ nào? Trong kinh Pháp Cú có câu: *Thắng một vạn quân không bằng thắng mình, thắng mình là chiến công oanh liệt nhất.* Thí dụ người ta chửi mình, mình tức lên chửi mắng và đánh đập lại đến đổ máu v.v... thì không khó. Còn người ta chửi mình lặng thinh không giận, đó mới là khó.

Thắng bên ngoài là dùng sức mạnh để thắng người, tuy thấy khó nhưng không khó lắm; chính sức mạnh của nội tâm, kềm thúc những tập khí nóng giận, tham lam của mình mới thật là khó. Vì vậy Phật nói nhẫn nhục là mạnh nhất. Khi nhẫn chúng ta đừng sợ thua, chính là chúng ta đang hơn tất cả. Do Phật nhẫn tất cả nên được tôn là bậc Đại hùng đại lực. Bây giờ chúng ta tu không bắt chước Phật, bị người ta nói tức liền nổi nóng la lối, nên chưa gọi là đại hùng đại lực được.

Ở đây Phật nói nhẫn nhục là sức mạnh lớn vì không ôm lòng ác, lại thêm được an ổn. Mình nhẫn, không hại người nên không ôm lòng ác. Thí dụ có người chửi mắng mình, mình làm thinh nhịn, không gây sự nên họ được yên ổn rồi mai kia họ tự hối hận. Nếu chúng ta gây sự lại, hai bên đánh nhau rồi thưa kiện ở tù, rốt

cuộc ai cũng phiền lòng. Nên nói mình nhẫn thì không ôm lòng ác và cũng làm cho lòng mình và mọi người được an ổn. Nhưng người thế gian có cái bệnh, khi bị người chửi lúc bất thình lình thì nhẫn được, nhưng về nhà cứ nghĩ nhớ hoài, cho lời họ nói như vậy là nặng, là nhục, tại sao mình không chống lại, rồi nghĩ bữa khác kiếm cách hại lại họ, đó là còn ôm lòng ác, ôm cái tức ngấm ngầm trong lòng không quên, tâm không an ổn. Chúng ta phải làm sao khi bị chửi mình nhẫn được và về nhà vẫn an ổn, đó mới là thật nhẫn.

Muốn thật nhẫn phải tự khen mình tu hành có tiến bộ; bị chửi nhịn được là mình đã vượt qua mức tầm thường rồi, trong lòng sung sướng với việc mình làm, không còn tức nữa, chứ nếu không tự khen, cứ nhớ mình thua, càng nhớ càng tức, tâm

không an. Như vậy chỉ nhận định đúng thì an ổn, còn nhận định sai thì khổ phiền.

Đây nói người nhẫn không làm việc ác nên được người tôn trọng. Giả sử có vị không nói mình tu hành gì hết, nhưng khi ra chợ mua vật dụng, thình lình có người mắng, vị ấy chỉ làm thinh và cười tự nhiên, những người xung quanh kính trọng nói: Vị ấy tu thật. Hoặc có vị nói tu nhiều mà vừa bị chọc tức liền la lối ngoài chợ, những người chung quanh sẽ chê cười. Thế nên hễ mình nhẫn thì thiên hạ tôn kính, còn nhẫn không được thì giá trị của mình bị mất đi. Tóm lại ở đây Phật dạy: Người nhẫn không ác, ắt được người tôn trọng. Đó là trường hợp Phật nói nhẫn nhục là rất mạnh.

Cái gì rất sáng? Phật trả lời: Những cái xấu xa nhơ nhớp trong tâm mình dẹp sạch, tâm trong sạch không một vết nhơ,

ấy là rất sáng. Từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay, tất cả những gì có trong mười phương, không có gì chẳng thấy, không có gì chẳng biết, không có gì chẳng nghe, được Nhất thiết trí, gọi là rất sáng.

Vậy khi tâm mình trong sạch không còn một vết nhơ, đó là rất sáng. Người được tâm rất sáng rồi, mười phương thế giới này từ vô cùng vô tận xưa cho tới bây giờ, có cái gì mình cũng biết, cũng thấy, cũng nghe. Người như vậy gọi là được Nhất thiết trí, tức là được trí biết tất cả. Như vậy người tu muốn được Nhất thiết trí, phải làm sao cho tâm không còn vết nhơ nào, đó mới là thật sáng.

Tâm nhơ nhớp là tâm gì? Tức là tất cả những tâm phiền não dấy động, khởi nghĩ, khởi tính v.v... Tất cả những tâm đó đều lặng sạch hết, không còn một vết nhơ nào, lúc đó không có gì không biết, không có gì

không thấy, không có gì không nghe. Nếu còn có những tâm lăng xăng thì không thấy, không biết gì hết. Như vậy cách tu này có phải tu thiền không? Kinh Phật nói không có gì ra ngoài phương pháp tu làm sao cho tâm mình thanh tịnh, đó là cội gốc. Không bao giờ Phật dạy chúng ta chạy ra bên ngoài tu luyện để được sống lâu hay được phép thần thông biến hóa v.v... Chỉ có tâm thanh tịnh thôi, chứ không có phương pháp nào khác.

Tóm lại bài kinh này nói về cái rất sáng và cái rất mạnh. Cái rất sáng là tâm sạch không còn một vết nhơ. Cái rất mạnh là nhẫn nhục tất cả. Hai việc đó nếu ráng tu cũng đủ giải thoát rồi.

CHƯƠNG 16

Chánh văn:

Phật nói: Người ôm ấp ái dục không thể thấy đạo. Thí như nước lóng trong lại lấy tay khuấy, những người đến nhìn, không thấy được bóng họ. Người do ái và dục lẫn lộn, phiền não ô trọc trong tâm nổi dậy, nên không thấy đạo. Sa-môn các ông phải dứt bỏ ái dục; cáu bẩn ái dục hết rồi mới thấy được đạo.

Giảng:

Bài này chính yếu nói về thiền định. *Phật nói người ôm ấp ái dục trong lòng không thể thấy đạo.* Thí như người muốn lóng nước trong mà cứ lấy tay khuấy, khi đó những người khác đến nhìn không thấy được bóng. Ái dục là yêu mến, yêu mến

bản ngã, yêu mến những cái chung quanh và tham luyến ngũ dục. Ái và dục lẫn lộn nhau nên phiền não ô trọc trong tâm nổi dậy mãi, không thể thấy đạo.

Phật lại dạy: *Sa-môn các ông phải dứt bỏ ái dục, cáu bẩn ái dục hết rồi mới thấy được đạo*. Như lóng nước, nước chưa trong mà chúng ta cứ khuấy, người đến nhìn không thấy được bóng. Nếu chúng ta chịu khó lóng cho đến nước trong và đừng khuấy, khi người đến nhìn sẽ thấy được bóng. Nước thí dụ cho tâm. Chúng ta do ái dục nên tham sân si cứ dấy khởi mãi, cho nên muốn thấy đạo, thấy sự thật của vũ trụ, không thể thấy được. Muốn thấy đạo tâm mình phải lặng, nên nói hồ tâm lóng lặng rồi mọi ảnh tượng bên ngoài hiện rõ ràng. Nếu tâm vừa hơi lặng lại dấy khởi, vừa lặng lại dấy khởi, cũng như hồ nước

vừa để ngưng năm phút lại khuấy, năm phút lại khuấy làm sao trong được?

Thế nên tôi khuyên quý vị ráng tu đều đều, phải cho hồ tâm lặng xuống, chứ hôm nay chạy lại thất này, mai đến nhà kia nói chuyện luôn, tâm đâu có lặng được. Hồ tâm lặng, bóng gì cũng hiện. Muốn hồ tâm lặng thì đừng khuấy động. Đó là cách tu thiết thực nhất. Tâm thanh tịnh rồi ngoại cảnh tự hiện, Phật Di-đà cũng hiện. Khi tâm lặng dù không cầu Phật rước, Phật cũng hiện tiền. Thí như hồ nước trong, mặt trăng tự hiện bóng, không thể nói mặt trăng đi xuống hồ, nhưng vì nước trong nên thấy bóng trăng hiện. Cũng vậy, tâm thanh tịnh thì thấy Phật Di-đà hiện, còn tâm lăng xăng rối loạn, cầu Phật không thể được. Cho nên không cần cầu Phật hiện, chỉ lo cho tâm mình thanh tịnh, đó là gốc của sự tu. Nên nói tâm tịnh thì

độ tịnh, tâm tịnh thì có Phật Di-đà, có cõi Tây phương rõ ràng.

CHƯƠNG 17

Chánh văn:

Phật nói: Người kiến đạo, thí như cầm đuốc vào trong nhà tối, bóng tối liền diệt mà ánh sáng còn lại. Người học đạo thấy đế, vô minh liền diệt mà minh thường còn vậy.

Giảng:

Phật nói: Ví như người cầm đuốc vào trong nhà tối, bóng tối liền diệt, còn lại ánh sáng. Người học đạo thấy đế, tức là thấy được chân lý, vô minh liền diệt mà minh thường còn. Nghĩa là người học đạo khi đạt đạo rồi, thấy tường tận được lý thật của vũ trụ, bao nhiêu mờ tối vô minh đã có từ lâu liền diệt, chẳng khác nào như

cầm đuốc đi vào trong nhà tối, vừa bước vào nhà bóng tối tự mất. Thế nên cốt yếu của người học đạo là làm sao thấy đạo, chừng đó mới diệt được vô minh và trí tuệ sáng suốt mới còn mãi mãi. Nếu học đạo không thấy đạo, dù học suốt kiếp cũng vẫn mờ mịt vô minh chứ không đi tới chỗ giác ngộ được.

CHƯƠNG 18

Chánh văn:

Phật nói: Pháp của ta, niệm mà không có người hay niệm và pháp bị niệm; hành mà không có người hay hành và pháp bị hành; nói mà không có người hay nói và pháp bị nói; tu mà không có người hay tu và pháp bị tu. Nếu hội được thì rất gần, còn mê lầm thì rất xa. Lời nói bặt dứt, không vật

nào có thể ràng buộc được, nếu sai mảy may thì mất trong chốc lát.

Giảng:

Pháp mà Phật nói đó vượt ra ngoài vòng năng sở đối đãi. Lâu nay chúng ta tu thường mắc kẹt trong năng sở. Thí dụ niệm Phật thì thấy có mình là người hay niệm, danh hiệu Phật là pháp bị niệm. Như vậy có năng có sở, thấy có mình là người thật niệm, Phật là vị Phật thật để mình niệm, cả hai đều thấy thật. Nếu thấy mình thật tức là còn ngã, thấy pháp thật tức là còn ngã sở. Ngã, ngã sở còn là gốc của sanh tử luân hồi.

Hành cũng vậy, thí dụ chúng ta tu hành, sám hối hay ngồi thiền, luôn luôn chấp mình thật là người hay sám hối và các bài kinh đọc lên trong những buổi sám hối đó là pháp để sám hối. Chấp thật như vậy là còn năng sở rõ ràng nên không bao

giờ đạt được đạo. Đến nói năng hay tu cũng vậy.

Tại sao có năng sở thì không đạt được đạo? Vì tất cả pháp Phật đều dạy: *Muốn đạt đạo phải dẹp hết ngã chấp*. Như trước tôi nói khi thấy mình thật, thấy ngoại cảnh thật, thấy mọi pháp đều thật, tức là vô minh. Đem vô minh để hiểu Phật, không bao giờ hiểu nổi. Cho nên Phật nói pháp Phật dạy, niệm không thấy có năng niệm, sở niệm, hành cũng không có năng hành, sở hành, nói cũng không thấy có mình hay nói và pháp bị nói, tu cũng không thấy có mình hay tu và pháp bị tu. Nếu người nào hiểu được như vậy rất gần với đạo, ngược lại thì rất xa.

Đa số người tu đều chú trọng hình thức, như lạy Phật thì lạy tới vạn Phật cho là lạy nhiều. Tu bỏ cơm bỏ nước, ngồi ngày này qua ngày khác gọi là tu nhiều. Nhưng

không hiểu rằng nếu tu nhiều, lạy nhiều mà ngã và ngã sở không bỏ được, dù cho tu hành bao nhiêu cũng chưa tới chỗ hiểu đạo. Hiểu đạo là phải nhận, phải đạt được cái lý cao siêu trong lời Phật dạy rồi sau đó mới ứng dụng tu, nghĩa là thấy như không tu mà tu, không hành mà hành, đó mới thật tu. Nếu chỉ cố chấp trên hình thức thì tu có công phu mà không hiểu đạo. Vì vậy Phật nói người hội rất gần, người không hội thì rất xa.

Mọi lời nói đều bặt dứt, vì đến chỗ đó không thể dùng lời nói bàn tán được. Tại sao? Vì lời nói xuất phát từ ý niệm, có khởi nghĩ mới phát ra lời nói. Ý khởi là vọng, nên lời nói cũng là vọng, đã là vọng không thể nào hội được chân. Ở đây pháp của Phật là chỉ cho pháp chân như không sanh không diệt. Lấy cái vọng để bàn cái chân thì không khi nào bàn tới được, cho

nên Phật nói ngôn ngữ đều bặt dứt. Chỗ đó chỉ có người nhận tới, đạt tới mới thấy, còn dùng lời nói thì không đến được. Và pháp đó không thuộc về hình thức vật chất, không bị vật gì ràng buộc nên không thể nương vào vật để hiểu, phải ngay đó hiểu. Nếu không hiểu hoặc hiểu sai một chút thì đã mất đạo rồi. Cho nên nói "sai chi hào ly", tức là sai đi mảy may thì "thất chi tu du", tức là mất đạo trong chớp mắt.

Tóm lại, người tu cần phải thật hiểu, nghĩa là thấy rõ nguồn gốc của sự tu hành là ở chỗ phá ngã chấp và pháp chấp. Hai chấp đó sạch, tu pháp nào cũng ngộ. Ngược lại, còn hai chấp đó dù tu pháp nào cũng biến thành chấp ngã và ngã sở chứ không đạt được đạo.

CHƯƠNG 19

Chánh văn:

Phật nói: Quán trời đất nghĩ là chẳng phải thường, quán thế giới nghĩ là chẳng phải thường, quán linh giác tức Bồ-đề. Hiểu được như thế ngộ đạo rất mau.

Giảng:

Phật nói phải quán trời đất nghĩ là chẳng phải thường còn, phải quán thế giới nghĩ là chẳng phải thường còn. Quán linh giác tức Bồ-đề nghĩa là phải quán tánh sáng suốt linh tri của mình là tánh giác Bồ-đề. Người hiểu được như vậy ngộ đạo rất mau.

Quán trời đất chẳng phải thường còn, tức là những gì có hình tướng trong vũ trụ này đều bị luật vô thường chi phối, không

có gì có hình tướng mà không bị vô thường. Quán từ trời đất đến toàn thế giới, cái gì có hình thức cũng đều vô thường. Quán được như vậy thì đối với sự vật, đối với ngoại cảnh và đối với tự thân mình đều không tham trước, đắm mến, mê say. Thí dụ thấy thân người sớm còn tối mất, nhà cửa đất đai nay của người này, mai đổi qua người kia, hoặc nay còn nhà, mai mốt cháy tan hoang... mọi sự vật không có gì thường còn mãi mãi, vậy tham đắm để làm gì? Do đó mình không đắm mê ngũ dục, không cố chấp thân này. Được như vậy là mình đã thoát khỏi phiền não rồi.

Quán linh giác tức Bồ-đề nghĩa là xét tánh linh tri của mình, biết đó là Bồ-đề. Bồ-đề không sanh, không diệt nên mình không chạy theo ngoại cảnh, chỉ hướng về nội tâm, biết cái nào chân, cái nào vọng. Sống mãi với chân là gần với đạo. Người

hiểu biết như vậy rất mau đắc đạo. Nếu chúng ta thấy sự vật ở ngoài là thật thường còn thì tâm đắm nhiễm thế gian không bao giờ hết. Cho nên muốn mau đạt đạo trước phải thấy tất cả từ người đến vật, từ trời đến đất đều vô thường, không bền lâu, chỉ có tánh linh tri là cái không sanh không diệt, phải hướng về đó mới mau đạt đạo. Nếu chấp ở ngoài có một cái gì thật lâu dài, bền chắc thì không thể nào thấy được đạo.

CHƯƠNG 20

Chánh văn:

Phật nói: Phải nghĩ nhớ bốn đại trong thân, mỗi đại tự có tên, trọn không có ngã. Ngã đã không thì ta chỉ như huyễn mà thôi.

Giảng:

Phật dạy chúng ta phải nghĩ nhớ thân ta do bốn đại, mỗi đại tự có tên, trọn không có ngã, không có cái ta thật. Ngã đã không thì cái ta đó chỉ như huyễn, như hóa không thật.

Chúng ta phải luôn luôn quán thân do bốn phần: đất, nước, lửa, gió hợp thành. Đất là những chất cứng ở trong thân như tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương v.v... Nước là những chất ướt trong thân như nước mắt, nước mũi, nước miếng, đàm dãi, nước tiểu, máu, mồ hôi v.v... Lửa là hơi ấm như nhiệt độ trong người... Gió là những sự chuyển động trong thân như hơi thở ra vào... Nếu chúng ta phân ly chúng - đất để riêng phần đất, nước để riêng phần nước, gió để riêng phần gió, lửa để riêng phần lửa - khi ấy tìm cái ngã thật của mình xem có hay không? Ngã

thật không có, chỉ do bốn đại hợp lại, như huyễn như hóa. Duyên hợp tạm có, duyên ly tán thành không. Quán xét kỹ như vậy, tự nhiên trong tâm không còn bị nhiễm trước về ngã. Nếu cứ nghĩ mình thật rồi đi tìm kiếm thu góp về để mình thụ hưởng, do đó mà tạo tội không biết bao nhiêu, lăn lộn trong đường sanh tử mãi mãi. Vì vậy gốc của sanh tử là do chấp ngã mà ra. Khi chúng ta quán chiếu lại thấy thân do bốn đại hợp thành không thật có, là phá được ngã chấp, khi đó dòng sanh tử cũng chấm dứt.

CHƯƠNG 21

Chánh văn:

Phật nói: Người theo tình dục cầu danh tiếng, danh tiếng khi được rồi, thân mình đã già cỗi! Người tham danh tiếng ở thế gian, không chịu học

đạo, chỉ uổng công nhọc sức. Thí như đốt hương, tuy người ta nghe được mùi thơm, nhưng cây hương của mình đã tàn. Cái lửa đốt thân nguy hiểm này ở kế cận bên mình.

Giảng:

Phật dạy người thế gian ham mê danh lợi, mong muốn đạt được danh lợi. Danh lợi được rồi như được thiên hạ khen là có chức phận cao hay được tiếng tốt thì nhìn lại thân đã già cằn. Như vậy để thấy rằng người chạy theo danh lợi thế gian không chịu học đạo chỉ là đem bao nhiêu công phu nhọc nhằn, hao tổn sức lực, trọn không có ích.

Đức Phật dùng thí dụ đốt hương, khi chúng ta đốt hương thơm, những người chung quanh nghe mùi thơm, khen cây hương thơm quá, nhìn lại cây hương đã

tàn từ từ. Cũng vậy, ở thế gian người ta cố gắng làm mọi cách để được giàu sang, danh vọng, được mọi người quý kính, khen ngợi. Nhưng đâu ngờ khi tới được địa vị cao sang, nhìn lại đầu đã gần bạc, danh vọng cũng không chắc còn, nay mai có thể mất. Chỉ có sự tu hành của chúng ta mới là cái thật, dùng hết sức tu hành, đem thân vô thường đổi lấy cái chân thường. Nếu đem thân vô thường để cầu danh vọng hư giả thì suốt đời chỉ uổng công vô ích chứ không được lâu dài. Cho nên Phật nói khi được danh, cái chết đã đến cận kề. Người hiểu đạo lý thấy việc chạy theo danh lợi chỉ là việc khổ công, rốt cuộc không có kết quả gì. Biết đạo lý để tu tâm, tu thân mới là thiết thực. Ngược lại, dù có giàu sang, danh vọng đến đâu, khi ngã ra chết cũng không mang theo được, chỉ còn những nghiệp đã tạo khiến ta phải chịu trầm luân khổ sở. Người hiểu đạo biết tu

tuy không có danh, nhưng khi nhắm mắt nghiệp không lôi cuốn được, ra đi tự do tự tại.

CHƯƠNG 22

Chánh văn:

Phật nói: Người đối với tài sắc, không bao giờ chịu bỏ. Ví như cái dao dính chút đường, không đủ một bữa ăn ngon, mà đứa bé liếm ắt có tai họa đứt lưỡi.

Giảng:

Phật dạy con người đối với tài sắc, tức là tiền của, sắc đẹp, không bao giờ biết bỏ. Tiền của làm được dù bao nhiêu cũng cứ muốn thêm, không bao giờ biết dừng. Đối với sắc đẹp cũng vậy, chạy theo mãi không bao giờ muốn thôi. Nhưng sự thực sự thụ hưởng đó có bền lâu không? Tài sắc đều vô

thường, đối với vô thường mà đắm mến thì chẳng khác nào đứa bé liếm chút đường dính trên dao. Một chút đường trên dao không đủ thành một bữa ăn ngon mà đứa bé không nỡ bỏ, le lưỡi liếm, tức nhiên nó phải chịu cái họa đứt lưỡi. Một chút đường không đủ sống năm, ba ngày, cái nạn đứt lưỡi lại làm đau khổ dài lâu.

Cũng vậy, người thế gian ham mê một chút tài sắc, chẳng nghĩ cái họa trầm luân muôn kiếp. Tài sắc thế gian chỉ tạm có trong một thời gian ngắn, người ta đem hết thân mạng phục vụ nó, tạo nghiệp nên chìm trong sanh tử, đọa trong vòng luân hồi, khổ không biết bao giờ cùng. Cái vui ngắn ngủi, cái khổ dài lâu. Như chỉ vì một chút vị ngon ở đầu lưỡi mà chịu cái họa đứt lưỡi là tai họa rất nặng nề. Người biết đạo lý, thấy tài sắc thế gian như chút đường dính trên lưỡi dao, vì sợ đứt lưỡi

không bao giờ dám liếm. Người nào liếm nó thì thật là cuồng mê vậy.

CHƯƠNG 23

Chánh văn:

Phật nói: Người bị ràng buộc nơi vợ con, nhà cửa còn quá hơn ngục tù. Ngục tù còn có ngày được thả, vợ con không phút nào nghĩ xa lìa. Người tham luyến sắc dục đâu sợ giong ruổi. Dù có tai họa vào trong miệng cọp, tâm cũng cam chịu. Người tự gieo mình chìm dưới bùn lầy, gọi là phàm phu. Người vượt khỏi cửa này là bậc La-hán xuất trần.

Giảng:

Phật nói người bị ràng buộc nơi vợ con, nhà cửa rất bền chắc như ngục tù. Nhưng ngục tù còn có ngày được thả, còn vợ con

ràng buộc không phút nào lìa. Người nam lo vợ con, người nữ lo chồng con. Người đối với sắc dục, tâm tham luyến nặng, thì cứ cam chịu giong ruổi theo đó, dù cho có tai họa vào trong miệng cọp, họ cũng cam chịu. Nên nói người tự gieo mình chìm dưới bùn lầy thì gọi là phàm phu. Còn người vượt khỏi cửa này là xuất trần La-hán. Cửa này là cửa gia đình ràng buộc, người bị ràng buộc trong vòng gia đình vợ con chẳng khác nào như ở trong tù ngục. Án tù có khi năm năm, có khi mười năm, nhưng mãn hạn đó được trả tự do. Còn gia đình con cái đùm đề, có khi đến năm, sáu mươi tuổi cũng chưa được tự do, còn quá hơn tù ngục. Hơn nữa, người đắm mê sắc dục dù phải đem mình tới chỗ hang cọp nguy hiểm, họ cũng cam tâm chịu chứ không sợ. Phật nói người như vậy chẳng khác nào tự dìm mình xuống chỗ bùn lầy, đó là hạng phàm phu. Ngược lại, vượt khỏi

cửa đó mới gọi là bậc A-la-hán, đã vượt khỏi bụi trần.

Như vậy người tu đối với sắc dục phải thận trọng, vì khi chìm đắm trong đó liền bị nó giam hãm còn quá hơn lao tù và bao nhiêu nguy hiểm, tai họa cũng dồn dập tới. Thoát được chỗ đó mới gọi là bậc A-la-hán xuất trần.

CHƯƠNG 24

Chánh văn:

Phật nói: Trong ái dục không gì nặng bằng sắc dục, sắc dục lớn không có gì hơn. Cũng may chỉ có một thôi, nếu có cái thứ hai bằng nó thì khắp cả thiên hạ không ai tu được.

Giảng:

Phật nói trong ái dục, tức ngũ dục, không có gì nặng bằng sắc dục. Ngũ dục

là tài, sắc, danh, thực, thùy. Tài là tiền của, sắc là sắc đẹp, danh là danh vọng, thực là ăn uống, thùy là ngủ nghỉ. Trong đó duy có sắc dục là nặng hơn hết. Cũng may là chỉ có một, nếu có thêm một cái bằng sắc dục, khắp cả thiên hạ không ai tu được. Nhờ chỉ có một sắc dục nên con người khả dĩ tu được, vượt qua nổi. Thí dụ như tiền của, tuy nói là huyết mạch con người nhưng sự thực nó là cái bên ngoài. Còn sắc dục có sẵn trong con người, tất cả các loài sanh trong vũ trụ đều do dục mà ra. Muốn vượt qua nó là một việc khó khăn, nên Phật nói nó rất nặng. Còn những cái kia nhẹ hơn, nếu có một cái khác bằng sắc dục thì không ai tu được. Do đó chúng ta phải dè dặt, đừng để đắm luyến trong sắc dục.

CHƯƠNG 25

Chánh văn:

Phật nói: Người ôm ấp ái dục cũng như cầm đuốc đi ngược gió, ắt có họa bị cháy tay.

Giảng:

Phật nói người ôm ấp ái dục cũng như cầm đuốc đi ngược gió, ắt có họa bị cháy tay. Người ôm lòng ái dục nặng, thế nào cũng bị tai họa trầm luân, khổ sở, không thể nào thoát khỏi.

CHƯƠNG 26

Chánh văn:

Thiên thần đem ngọc nữ dâng Phật, muốn phá hoại ý Phật. Phật bảo: Cái đãy da chứa các thứ nhơ nhớp, ngươi đến đây làm gì? Đi, ta không

dùng. Thiên thần càng thêm cung kính, nhân đó mới hỏi đạo. Phật vì giảng nói, ông liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Giảng:

Thiên thần đem ngọc nữ dâng Phật, muốn phá hoại ý Phật, tức là làm cho Phật bị sắc dục phải thối tâm, không tu nữa. Phật bảo: *Cái đãy da chứa các thứ nhơ nhớp, ngươi đến đây làm gì? Đi, ta không dùng.* Nhân đó thiên thần càng thêm cung kính, mới hỏi đạo. Phật vì ông giảng nói, ông liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Người thế gian nếu được con mắt như Phật chắc không còn ai bị khổ sở. Dù người đẹp thế mấy cũng biết trong đó chứa nhiều thứ đồ dơ: máu dơ, mủ dơ, mồ hôi dơ, tiểu tiện, đại tiện v.v... cái gì cũng dơ, tất cả chỉ là một đãy da chứa đồ hôi thúi. Dù có tô son trét phấn cũng chỉ là đãy da

thúi. Do biết như vậy nên không còn bị nhiễm sắc dục nữa. Người thế gian không biết tu nên chỉ nhìn thấy hình dáng bên ngoài, không thấy tường tận bên trong. Đức Phật thấy tất cả con người đều là đãy da, bên ngoài có một lớp da bao bọc, bên trong chứa toàn đồ nhơ nhớp, không có gì phải đắm mến.

CHƯƠNG 27

Phật nói: Phàm là người học đạo dụ như khúc cây trên nước, theo dòng mà trôi, không đụng hai bên bờ, không bị người vớt, không bị quỷ thần ngăn cản, không bị nước xoáy làm đứng lại, cũng không bị mục nát, ta bảo cây này quyết định trôi đến biển. Người học đạo không bị tình dục làm mê hoặc, không bị các tà kiến

làm rối tâm, tinh tấn vô vi, ta bảo người này quyết định chứng đạo.

Giảng:

Phật dạy người học đạo cũng như khúc cây thả trôi dưới dòng sông. Nếu nó theo giữa dòng trôi, không đụng bờ bên này, không đụng bờ bên kia, không bị người vớt, không bị quỷ thần ngăn cản, không bị nước xoáy làm đứng lại, không bị mục nát chìm nửa chừng thì cây này quyết định trôi đến biển.

Người học đạo cũng vậy, nếu không bị tình dục làm mê hoặc, không bị các tà pháp, tức là những tà kiến ngăn trở làm mình rối tâm, mất chánh tín thì mãi mãi tiến trên con đường giải thoát. Người được như vậy, quyết định sớm muộn gì cũng sẽ chứng đạo. Vô vi ở đây có nghĩa là giải thoát. Tinh tấn vô vi là tiến mãi trên đường giải thoát, không chấp vào hình

thức bên ngoài, chỉ chú trọng vào việc giải thoát thôi.

CHƯƠNG 28

Phật nói: Dè dặt chớ tin ý ông, ý ông không thể tin được. Dè dặt chớ cùng sắc đẹp gần gũi, gần sắc thì họa sanh. Chứng A-la-hán rồi, mới có thể tin được ý ông.

Giảng:

Phật nói dè dặt chớ tin ý ông vì ý ông không thể tin được. Dè dặt chớ cùng sắc đẹp gần gũi, người nam phải sợ nữ sắc, người nữ phải sợ nam sắc, nếu gần gũi họa sẽ sanh. Chừng nào chứng A-la-hán mới tin được tâm mình.

Tại sao không thể tin tâm mình? Thí dụ mình tự hứa ngầm trong lòng từ nay ai nói tức gì cũng ráng nhịn, nhưng đến khi

bị chọc tức lại nhịn không được. Vậy ý mình có tin được không? Mới ngầm tính hồi nãy, bây giờ đã làm khác. Đó là đối với sân giận. Còn đối với sắc dục mình tin rằng không bao giờ nhiễm, nhưng biết đâu khi có người đẹp đứng nói chuyện lâu với mình, mình mê hồi nào không hay, nên nói đừng tin ý mình. Chừng nào chứng A-la-hán, sạch hết các phiền não trong tâm rồi, lúc đó mới tin. Nếu phiền não còn mà tự tin, nhiều khi bị lầm. Ở đây Phật nói đừng tin tâm là đừng tin cái ý suy nghĩ tính toán hàng ngày, nó giả dối không thật, chứ không phải bảo đừng tin chân tâm mình.

CHƯƠNG 29

Phật nói: Dè dặt chớ nhìn nữ sắc, cũng chớ cùng nói chuyện. Nếu cùng nói chuyện phải chánh tâm nghĩ nhớ:

Ta là người tu ở cõi đời ô trược, phải như hoa sen không bị bùn làm nhiễm nhơ. Tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, người nhỏ như em gái, đứa bé như con, sanh tâm độ họ giải thoát thì diệt được niệm xấu.

Giảng:

Phật dạy dè dặt chớ nhìn nữ sắc, bên nữ thì chớ nhìn nam sắc, cũng chớ nói chuyện. Nếu cùng nói chuyện phải chánh tâm nghĩ nhớ: Ta là người tu trong cõi đời ô trược phải như hoa sen không bị nhiễm mùi bùn. Tưởng những người già như mẹ đối với người nam, như cha đối với người nữ; lớn hơn một chút tưởng như chị hoặc anh ruột; nhỏ hơn tưởng như em gái hay em trai trong nhà; với đứa bé coi như con cháu, luôn luôn có tâm độ họ giải thoát, như vậy là diệt được niệm xấu.

Nghĩa là đối với người khác phái phải tránh, nếu không tránh được, khi gần gũi luôn luôn nhớ rõ người già là cha mẹ, người lớn là anh chị, người nhỏ là em út, nhỏ nữa xem như con cháu, phải làm sao độ họ giải thoát, khi đó những tâm niệm xấu tự hết. Phải luôn luôn nhớ mình là người tu trong cõi đời ô trược mà không nhiễm, như hoa sen giữa bùn không bao giờ dính bùn.

Như vậy việc tu của mình mới thanh tịnh.

CHƯƠNG 30

Phật nói: Phàm là người học đạo như đội cỏ khô, lửa đến liền tránh xa. Người học đạo thấy dục lạc ắt phải xa lìa.

Giảng:

Phật nói người học đạo như đội cỏ khô, thấy lửa liền tránh xa, không dám đến gần. Người học đạo thấy ngũ dục thế gian ắt phải xa lìa, không để nhiễm nhơ, như đội cỏ khô đến gần lửa ắt bị cháy đầu. Người tu phải biết ngũ dục là nhơ nhớp, luôn luôn tránh xa, gần nó sẽ bị lem lấm. Những thí dụ này rất hay, chỉ nhớ thí dụ là hiểu cả bài kinh.

CHƯƠNG 31

Chánh văn:

Phật nói: Có người sợ tâm dâm dục không dừng được, muốn tự đoạn âm. Phật bảo người đó: Đoạn âm không bằng đoạn tâm. Tâm như công tào, công tào nếu nghỉ, những người tùy tùng đều nghỉ. Tâm tà không

dừng, đoạn âm có ích gì? Phật vì đó nói bài kệ:

Dục sanh từ ý ông,

Ý do tư tưởng sanh,

Hai tâm đều vắng lặng,

Không sắc cũng không hành.

Phật nói bài kệ này là do đức Phật Ca-diếp nói.

Giảng:

Phật nói có người sợ tâm dâm dục dừng không được nên muốn đoạn âm. Phật bảo đoạn âm không bằng đoạn tâm, vì tâm như công tào, như vua. Vua dừng, những người tùy tùng tự nhiên dừng. Tâm tà không dừng, dù đoạn âm cũng vô ích. Phật nói kệ: Dục sanh từ nơi ý của ngươi, ý do tư tưởng sanh. Hai tâm (ý và tư tưởng) đều lặng, không phải sắc cũng không phải

hành. Nghĩa là không phải do sắc ở ngoài làm mình nhiễm, cũng không phải do các hành bên trong làm mình mê, chính do ý, do tư tưởng mà có. Bài kệ này do đức Phật Ca-diếp nói.

Dục ở đây không phải nghĩa thường. Theo bài kệ tất cả dục từ tư tưởng sanh, chỗ này nhiều người thường không tin. Tôi nói thí dụ cho dễ hiểu: Như khi chúng ta đói bụng, chợt nhớ lại những món ăn thật ngon, vừa nhớ nước miếng liền tuôn ra. Nếu khi đói mình không tưởng gì hết thì nước miếng không chảy. Hoặc trưa nắng khát nước, bỗng nhớ trái khế hay trái me, tự nhiên nước miếng tràn ra. Vậy nước miếng tràn ra từ đâu? Chính từ tư tưởng sanh. Thế nên tư tưởng khởi, các dục cũng theo đó có, tư tưởng dừng, tất cả dục cũng theo đó không.

Những người không biết, khi tu họ cứ nghĩ phải bịt tai, bịt mắt đừng nghe, đừng thấy để đừng nhiễm. Hoặc có những người làm những hành động hủy hoại thể xác rồi tưởng như vậy là hết dục. Đâu phải! Tâm tà không dừng dù hành thân xác thế mấy cũng vẫn nhiễm dục như thường. Do đó người tu phải lấy tâm làm gốc, đừng chú trọng hình thức bên ngoài. Phải biết tâm là chủ, ngay tâm đó tu là thật tu. Ngược lại, hành theo hình thức bên ngoài là lầm, là tà.

CHƯƠNG 32

Chánh văn:

Phật nói: Người từ ái dục sanh lo buồn, từ lo buồn sanh kinh sợ. Nếu lìa ái dục, đâu còn lo buồn, đâu còn kinh sợ.

Giảng:

Phật nói: Người từ ái dục sanh lo buồn, từ lo buồn sanh kinh sợ. Nếu lìa ái dục, đâu còn lo buồn, đâu còn kinh sợ. Bởi vì có yêu thích nên mới lo tính, bởi lo tính sanh ra sợ sệt hoặc được hoặc mất. Thí dụ có người thích hột xoàn quá nên mưu mô tính toán, vay người này, mượn người kia, lúc đó có lo buồn không? Giả sử mua được hột xoàn mang trong tay, lúc đó lại sợ mất, sợ bị giật, hồi hộp mãi không yên. Đó là về tài sản. Ái dục cũng vậy, người đắm mê ái dục, nỗi lo sợ lúc nào cũng có sẵn trong tâm không bao giờ hết.

CHƯƠNG 33

Chánh văn:

Phật nói: Phàm là người học đạo thí như một người đánh với muôn người, mang giáp ra cửa, ý hoặc khiếp

nhược, hoặc đi nửa đường rồi rút lui, hoặc đánh rồi chết tại trận, hoặc đắc thắng trở về. Người Sa-môn học đạo phải quyết chí giữ vững tâm mình, tinh tấn dũng mãnh, không sợ cảnh trước, phá sạch chúng ma để đắc đạo quả.

Giảng:

Phật dạy việc tu rất khó như một người đánh với muôn người. Đánh với hai người đã khó thắng, đánh với muôn người càng khó bội phần. Nên khi đã mang giáp ra trận phải quyết tử chiến đấu tới cùng đến thắng trận trở về, không bao giờ khiếp nhược thối lui.

Thí dụ này trong kinh A-hàm nói rõ hơn. Hạng người thứ nhất vừa mặc giáp ra cửa, thấy quân đông liền hốt hoảng thối lui. Dụ cho người mới phát tâm xuất gia

rất dũng mãnh, nhưng cạo tóc mặc áo nhuộm rồi, thấy sự tu hành sao khó khăn quá, chán nản muốn hoàn tục, đó là hạng người khiếp nhược.

Hạng người thứ hai đi nửa đường trở lui. Dụ cho người cũng dũng mãnh cạo tóc xuất gia, ban đầu cũng tinh tấn tu, nhưng được nửa chừng, thấy đường xa, chán ngán muốn hoàn tục.

Hạng người thứ ba ra trận đánh giặc rồi tử trận. Dụ cho người xuất gia quyết tu tới cùng, nhưng không khéo dè dặt, không khéo gìn giữ giới luật để phạm giới như người chết tại trận.

Hạng người cuối cùng đánh đến thắng trận mới trở về. Dụ cho người lúc phát tâm mạnh mẽ, khi cạo tóc xuất gia rồi vẫn tu hành tinh tấn, suốt đời thanh tịnh cho đến chết. Hay nói cách khác là tu hành đến đắc đạo là thắng trận trở về.

Như vậy chúng ta tu là mặc giáp, cầm gươm ra trận, phải mạnh mẽ cương quyết, quyết thắng mới về, không được lơ mơ. Phải luôn luôn cầm gươm trí tuệ không lúc nào rời. Nếu quên thanh gươm trí tuệ, ma quân sẽ bao vây, mình không chống lại nổi, bị nó bắt sống. Người tu hành phải kiên tâm trì chí, biết việc tu khó như một vị tướng chiến đấu với muôn người, nên phải cẩn thận, dè dặt, bền chí, không lúc nào nhút nhát, cũng không khinh thường, quyết đánh tới cùng, không bao giờ chịu thua. Như vậy mới xứng đáng là một chiến tướng, xứng đáng là một người xuất gia.

CHƯƠNG 34

Chánh văn:

Có một Sa-môn ban đêm tụng kinh Di Giáo của Phật Ca-diếp, tiếng

nghe buồn thảm, nghĩ hối hận muốn lui sụt.

Phật hỏi vị Sa-môn: Ngày trước ở nhà ông từng làm nghề gì?

Thưa: Con thích đàn cầm.

Phật hỏi: Dây dùn thì sao?

Thưa: Không kêu.

- Dây thẳng quá thì sao?

Thưa: Tiếng chát.

- Dây không dùn không thẳng thì sao?

Thưa: Đầy đủ tất cả âm ba.

Phật dạy: Sa-môn học đạo cũng vậy, tâm nếu điều hòa an ổn, đạo có thể được vậy. Đối với đạo nếu gấp quá thì thân nhọc nhằn; thân nhọc nhằn thì ý sanh phiền não; ý nếu sanh

phiền não thì hạnh bị thối lui; hạnh đã thối lui thì tội ắt tăng trưởng. Chỉ thanh tịnh an vui thì đạo không mất vậy.

Giảng:

Có một Sa-môn ban đêm tụng kinh Di Giáo của Phật Ca-diếp được ghi chép lại, tiếng nghe buồn thảm, rồi tự hối hận về việc đi tu của mình, muốn trở lại thế gian. Phật biết, gọi lại hỏi: Ngươi ở nhà từng làm nghề gì? Sa-môn thưa: Con thích đàn cầm. Phật hỏi: Nếu dây dùn thì sao? Ông trả lời: Không kêu. Phật hỏi: Nếu dây thẳng quá thì sao? Ông thưa: Tiếng chát. Phật hỏi: Sợi dây không dùn không thẳng, tức là vừa bậc trung thì sao? Ông thưa: Đầy đủ tất cả âm ba. Phật nói Sa-môn học đạo cũng vậy, tâm nếu được điều thích, tức là tâm điều hòa an ổn; nói tâm mà luôn cả thân, thân tâm điều hòa an ổn thì

đạo có thể được vậy. Đối với đạo, gấp quá sẽ làm cho thân nhọc nhằn, thân nhọc nhằn thì ý sanh phiền não bực bội. Thí dụ quý vị vừa sám hối xong, mệt, mới giải y áo, có ai đến chọc tức là nổi giận liền. Đương mệt ai động tới dễ nổi sân. Khi tu cũng vậy, cố gắng quá thì mệt mỏi, đương mệt dễ bực bội, có việc gì xảy đến là sanh phiền não ngay. Khi đó lại tự hỏi: Tại sao tu càng nhiều, phiền não càng lắm? Đó là tại vì mệt quá. Ở thế gian cũng vậy, người làm việc từ thiện nhiều quá, đương mệt có người nào làm trái ý là nổi giận liền. Còn người chỉ ở nhà, có ai đến năn nỉ xin vật này vật kia thì cho mà ít sân.

Cho nên khi tu, nếu thân cố gắng, kềm quá sức thì về sau thân mệt mỏi, nhọc nhằn, khi ấy tâm dễ sanh phiền não. Nếu ý sanh phiền não thì hạnh bị thối lui, sự tu hành không thể tiến được. Tu hành đã

thối, tội ắt tăng trưởng. Vì thối là tâm nghĩ tới danh lợi và ngũ dục thế gian nên tội càng ngày càng lớn. Chỉ có người tu hành chừng mực, trong tâm thường thanh tịnh an vui, đạo mới không mất.

Phật thí dụ sợi dây đàn. Dùn quá không kêu, thẳng quá tiếng kêu chát chúa, chỉ có vừa chừng là đầy đủ âm ba. Người tu cũng vậy, gấp quá bực bội, hoãn quá thối lui, chỉ có vừa chừng, đều đều tiến mãi là hay nhất. Quý vị hiểu như vậy, tu được như vậy mới tiến. Chớ quá sốt sắng ham tu đến bỏ ăn bỏ ngủ và cũng không nên tu hành lơ thơ lửng thửng qua ngày, phải giữ điều hòa, mỗi ngày đều tu, đều tiến, không chùn bước, hợp với cơ thể và tinh thần mình, hai cái đó được nhẹ nhàng, vui vẻ thì sự tu mới tiến.

Theo câu chuyện chính trong kinh A-hàm là có vị Tỳ-kheo tu tinh tấn nhất

trong chúng, nhưng suốt mấy năm không đắc đạo. Ngài nghĩ: Ta tu hành khổ hạnh cực nhọc mà không được đạo, tốt hơn nên trở về nhà, cha ta tiền của không thiếu chi, tạo phước bố thí sướng hơn, tội gì tu cho khổ. Ngài vừa khởi nghĩ như vậy, Phật liền biết, gọi lại dạy. Đó là nguyên do của bài kinh này, nhưng ở đây rút ngắn lại, chỉ nói phần vấn đáp giữa Phật với Sa-môn. Sau khi nghe lời dạy, vị Sa-môn hiểu được lý trung đạo, từ đó ông tu một cách điều hòa, ít hôm sau chứng A-la-hán.

Tóm lại, khi tu chúng ta phải giữ điều hòa, đừng gấp cũng đừng hoãn, vì cả hai trạng thái đó đều không tốt, lúc nào trong tâm cũng vui vẻ, an ổn tiến mãi mới là tốt.

CHƯƠNG 35

Chánh văn:

Phật nói: Thí như người luyện sắt, bỏ những cặn bã làm thành đồ dùng, đồ dùng được tốt; người học đạo bỏ những thứ nhơ nhớp trong tâm thì hạnh được thanh tịnh.

Giảng:

Thợ luyện lọc sắt, luôn luôn lọc bỏ cặn bã, cặn bã hết chỉ còn sắt thuần tốt, lúc đó mới làm được các thứ vật dụng. Người tu cũng thế, luôn luôn xét tâm mình, những phiền não buồn, giận, sân, si v.v... tất cả tật xấu đều bỏ hết, lúc đó tâm thuần thanh tịnh, tức là được đạo. Ngược lại, nếu chúng ta mang các tập khí xấu mãi thì làm gì cũng không được. Cũng như người nấu sắt lọc không kỹ, cặn bã chưa ra hết, họ không thể làm được món gì tốt cả. Nếu

tu mà tâm không bỏ hết những tật xấu, dầu cho có cạo đầu đến trăm lần cũng vậy thôi, không tiến chút nào.

Tóm lại, tu cốt lọc những thứ cấu uế trong tâm, khi tâm hoàn toàn thanh tịnh, đó là hợp đạo. Ở đây, mỗi bài kinh có một thí dụ, nhớ thí dụ là hiểu được bài kinh.

CHƯƠNG 36

Chánh văn:

Phật nói: Người lìa đường ác, được làm thân người là khó; đã được làm người, bỏ thân nữ làm thân nam là khó; đã được thân nam, sáu căn đầy đủ là khó; sáu căn đã đầy đủ, sanh ở chỗ văn vật là khó; đã sanh ở chỗ văn vật, gặp Phật ra đời là khó; đã gặp Phật ra đời, gặp được đạo là khó; đã gặp đạo, khởi tâm tin là khó; đã khởi

niềm tin, phát tâm Bồ-đề là khó; đã phát tâm Bồ-đề, được không tu không chứng là khó.

Giảng:

Đây Phật nói mấy điều khó nữa. Người lìa các đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, được làm thân người là khó. Bỏ ba đường ác sanh trong nhân đạo là cái khó thứ nhất.

Đã được làm người, bỏ thân nữ làm thân nam là khó. Trong kinh A-hàm, Phật thường nói nghiệp người nữ nặng nên được làm người nam là hơn một phần. Đã được làm người nam mà sáu căn đầy đủ là khó. Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt sáng, tai mũi lưỡi thính, thân không tật nguyền, ý thông minh, đủ sáu điều kiện đó là khó lắm. Sáu căn đã đầy đủ mà sanh ở chỗ văn minh thị tứ, được như vậy là khó. Thường trong kinh nói

đừng sanh nơi biên địa hạ tiện. Nơi biên địa khó gặp người trí thức, chỉ gặp những người không biết tu hành nên không có bạn bè tốt, không gặp đạo lý. Còn hạ tiện là những chỗ đói cơm, thiếu áo, đời sống khổ sở. Phật nói do ít phước mới sanh vào những nơi đó. Nếu sanh ở chỗ văn vật, tức nhiên có Phật, có Kinh, có Tăng, có nhiều bạn lành.

Đã sanh ở chỗ văn vật, gặp Phật ra đời là khó. Đã gặp Phật ra đời nhưng gặp đạo và hiểu đạo là khó. Đã hiểu đạo, khởi tâm tin vững chắc là khó. Đã khởi niềm tin, phát tâm Bồ-đề là khó. Tin được pháp Phật dạy là khó, nhưng tin suông không lợi ích, phải phát tâm Bồ-đề, tức là phát tâm cầu giác ngộ, đó là tiến lên một bậc nữa. Đã phát tâm Bồ-đề, đến được chỗ không tu, không chứng mới là khó tột. Không tu, không chứng là sao? Chúng ta

tu, hàng ngày luôn nhớ việc tu, luôn mong được chứng quả, nhưng tại sao ở đây lại nói không tu, không chứng là khó? Trong kinh Bát-nhã có đoạn: Dĩ vô sở đắc cố Bồ-đề tát đỏa y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết-bàn. Nghĩa là: Vì không có chỗ được nên Bồ-tát y theo Bát-nhã ba-la-mật-đa tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Như vậy chúng ta thấy cái không sở đắc là căn bản để được giải thoát. Nếu nói tôi tu khá lắm, tôi chứng được quả này, pháp kia, là thấy có ta tu, ta chứng. Đó là còn bản ngã, thấy mình có tu có chứng. Nếu còn bản ngã tu chứng là chưa đạt được lý vô ngã Phật dạy, tức là chưa giác ngộ, nên ở đây nói không tu, không chứng.

Trên phương diện phá ngã, không còn thấy có mình hay tu và quả vị chứng được, nhưng không phải không ngơ, mà thật có tu có chứng. Nghĩa là khi không còn ngã nữa, lúc đó đạo quả mình nhận được đầy khắp, như vậy gọi là chứng. Vì vậy nói không tu không chứng khó, tức là phá được ngã, không còn thấy mình là người hay tu, kia là quả vị chứng được, như vậy mới thật đến chỗ cứu cánh. Nếu tu mà còn chấp ngã, còn thấy mình được cái này cái kia là còn ở trong vòng tương đối sanh diệt, chưa được giải thoát.

CHƯƠNG 37

Chánh văn:

Phật nói: Phật tử lìa ta mấy ngàn dặm, mà nghĩ nhớ những lời răn dạy của ta, ắt được đạo quả. Còn ở bên mặt bên trái ta, tuy thường thấy ta,

nhưng không chịu nghe lời răn dạy của ta thì trọn không được đạo.

Giảng:

Chúng ta thường nghe Phật huyền ký, sau khi Phật nhập diệt 500 năm đầu gọi là chánh pháp, 500 năm kế là tượng pháp, sau đó là mạt pháp. Thời chúng ta là thời mạt pháp. Đức Phật nói thời mạt pháp người tu chứng ít lắm, thời tượng pháp người tu chứng nhiều, còn thời chánh pháp mười người tu hết chín người chứng. Nhưng căn cứ vào lời Phật dạy ở đây, chúng ta thấy có một lẽ khác nữa. Nghĩa là dù Phật còn tại thế, được ngồi bên cạnh ngài, nhưng nếu không theo lời Phật dạy để tu hành, tuy ở gần cũng không được đạo quả. Còn dù cách Phật trên hai ngàn năm, nhưng nếu chúng ta y theo lời Phật tu hành, chắc chắn đạo quả không xa.

Thế nên điều cần yếu là y theo lời Phật dạy để tu hành, đừng nghĩ mình ở thời mạt pháp tu khó chứng rồi không tu, như vậy càng nguy hiểm hơn nữa. Cho nên căn bản là y theo lời Phật dạy mà tu, đừng ỷ lại ở gần, cũng đừng buồn phiền ở xa, quan trọng là sự tu hành của chính mình.

CHƯƠNG 38

Chánh văn:

Phật hỏi Sa-môn: Mạng người sống khoảng bao lâu? Thưa: Khoảng vài ngày. Phật bảo: Ông chưa biết đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn: Mạng người sống khoảng bao lâu? Thưa: Khoảng bữa ăn. Phật bảo: Ông chưa biết đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn: Mạng người sống khoảng bao lâu? Thưa: Trong khoảng hơi thở. Phật dạy: Lành thay! Ông biết đạo vậy.

Giảng:

Bài này nói về lý vô thường. Phàm nói về lý vô thường, người ta có thể nói là sớm còn chiều mất, hay còn đi đứng nằm ngồi là còn sống, ngủ một giấc chưa chắc đã dậy. Những cách nói như vậy đã là tả cảnh vô thường mỏng manh lắm rồi, nhưng chưa đạt đến chỗ chí lý.

Ở đây Phật dùng câu *ngươi chưa biết đạo*. Chữ đạo là chỉ chỗ chí lý, hiểu được sự vật đến lý chân thật của nó gọi là hiểu được lý đạo. Lý vô thường căn cứ trên mạng sống con người, nên khi trả lời mạng người trong khoảng vài ngày hay trong khoảng bữa ăn, tuy đã là mỏng manh, nhưng Phật nói hai vị đó chưa hiểu đạo.

Chỉ có vị nói mạng người trong hơi thở, lời đó mới là cứu cánh, bởi vì đó là sự thật không cãi chối được. Dù bất cứ trường hợp nào, miễn tắt thở là chết, không còn tìm được sự thật nào hơn nữa. Diễn tả được lý vô thường đến chỗ đúng sự thật, Phật khen là *biết đạo*.

Kinh A-hàm luôn luôn nhấn mạnh tướng thật của sự vật là vô thường và chỉ có cái vô thường trong sự vật mới là thường. Nghĩa là phàm cái gì có hình tướng đều biến đổi, Phật gọi đó là vô thường. Nơi con người sự biến đổi là sanh già bệnh chết. Nơi thế giới sự biến đổi là thành trụ hoại không. Tất cả sự vật luôn luôn thành trụ một thời gian, hư hao từ từ là hoại, đến một ngày nào đó tan nát là không. Con người cũng vậy, có sanh ra, sống một thời gian mấy mươi năm, lần lần già yếu, lại sanh nhiều bệnh tật rồi chết.

Con người hay sự vật đều luôn luôn biến chuyển, gọi là vô thường. Trên hình tướng, không có sự vật nào không biến đổi, từ con người đến vạn vật, tất cả đều vô thường, nhưng chỉ có sự biến đổi của vạn vật là thường. Nghĩa là không lúc nào không biến đổi, quá khứ biến đổi, hiện tại biến đổi, vị lai cũng biến đổi. Cái biến đổi đó trùm hết sự vật nên nói là thường.

Như vậy chữ đạo trong kinh A-hàm khác với chữ đạo trong kinh Bát-nhã. Theo kinh A-hàm, thấy được sự biến diệt của các tướng, hay là thấy được tướng sanh diệt của các pháp gọi là thấy được sự thật, thấy đạo. Còn theo Bát-nhã thấy được tánh của các pháp gọi là thấy đạo. Hai bên định nghĩa chữ đạo khác nhau.

CHƯƠNG 39

Chánh văn:

Phật nói: Người học đạo Phật, những lời Phật nói ra đều nên tin và thuận theo. Thí như ăn đường, chính giữa hay một bên đều ngọt, kinh của ta cũng vậy.

Giảng:

Phật nói người học đạo Phật, những lời Phật nói ra đều nên tin và thuận theo, chữ *thuận* tức là hành theo. Thí như ăn đường, ở giữa hay một bên đều ngọt, dù cắn chính giữa miếng đường cũng ngọt, mà cắn từng miếng xung quanh cũng ngọt, nghĩa là để miếng đường vào miệng là nghe ngọt. Cũng vậy, nghe lời Phật dạy, tức là ăn bằng tinh thần, tin và thuận theo giống như mình đã ăn được pháp vị của Phật, ăn được pháp vị nhất định nghe

ngon. Như ăn đường để dính vô miệng là nghe ngọt, dù một miếng ở bên cạnh hay một miếng trong ruột cũng đều ngọt như nhau. Cho nên người học kinh Phật, nếu thực tâm học, thực tâm tu, một lời hay một câu Phật dạy đều hữu ích cho mình, trừ những người không thực tâm tu, nghe tai này trôi qua tai kia, không có lợi ích gì cả. Thế nên phải gắng nghe lời Phật dạy rồi tin nhận và thực hành theo.

CHƯƠNG 40

Chánh văn:

Phật nói: Sa-môn tu hành, không giống con trâu kéo che, thân tuy hành đạo, mà tâm không hành. Tâm nếu hành đạo, còn dùng hành đạo làm gì?

Giảng:

Phật dạy bất cứ chúng ta tu hạnh gì, hoặc bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, hay tụng kinh, niệm Phật v.v... tất cả những việc đó đều do mình tự nguyện phát tâm làm, không ai bắt buộc. Cũng vậy, chúng ta xuất gia có ai bị cha mẹ ép không? Tự mình nguyện xuất gia nên khi tu mình cũng tự nguyện tu, đừng đợi chờ. Giả sử đến giờ tụng kinh, nếu có Phật tử thì ráng tụng, còn không ai tới thì nghỉ, như vậy là tụng kinh vì bị bắt buộc hoặc sợ người chung quanh chê cười, nghĩ mình làm biếng. Làm như vậy giống như con trâu, máng ách lên thì kéo, bỏ ách xuống liền thôi, không ý thức gì về việc kéo che. Nếu chúng ta không tự phát tâm, dù thân có tu cũng là tu bên ngoài, không có lợi ích chi, vì không dẹp được tham sân si.

Nếu thực phát tâm tu, giờ phút nào cũng chuyển hướng tâm mình, không để mê lầm, luôn luôn tỉnh táo sáng suốt biết niệm nào xấu, niệm nào tốt. Được vậy, dù bên ngoài không tu cũng không có lỗi. Cho nên Phật nói *tâm nếu hành đạo, còn dùng hành đạo làm gì?* Hành đạo là hành nơi tâm. Thế nên người tu theo đạo Phật cốt phải tự thệ, tự nguyện.

Có một số người phàn nàn Phật giáo vô tổ chức, tín đồ ưng đi chùa thì đi, không ưng thì thôi, không có sự bắt buộc. Nhưng Phật giáo luôn luôn chủ trương tự nguyện, tự phát tâm làm, việc làm mới có ý nghĩa. Nếu bị bắt buộc làm, việc làm đó gọi là vô ý thức, tuy có làm nhưng không hợp với đạo. Tuy nhiên, không có nghĩa là không khuyên Phật tử đi chùa, mình cũng khuyên, giảng cho họ hiểu việc tới chùa là cần thiết, lợi ích như thế nào, tự họ thấy

cần thì họ đi, chứ không bắt buộc. Việc tu cũng vậy, chúng ta không xúi giục người khác tu, nhưng vẫn giải thích lợi hại, hay dở của sự tu hành, khi hiểu được, tự họ phát tâm tu, đó là rất tốt.

CHƯƠNG 41

Chánh văn:

Phật nói: Phàm người hành đạo như con trâu kéo nặng qua chỗ bùn sâu, mệt mỏi cũng không dám ngó phải ngó trái, ra khỏi bùn lầy mới có thể nghỉ ngơi. Sa-môn phải xem tình dục còn hơn bùn lầy, phải trực tâm nhớ đạo mới có thể khỏi được khổ vậy.

Giảng:

Phật nói người hành đạo như con trâu kéo nặng qua chỗ bùn lầy, tuy nhọc nhằn, mệt mỏi lắm cũng không dám ngó phải

ngó trái, chỉ một bề cố sức kéo xe ra khỏi chỗ bùn lầy, sau đó mới có thể nghỉ ngơi. Lúc qua chỗ này, người biết đánh xe phải đánh mạnh một hai roi để con trâu biết chỗ lầy thì khi qua mới không bị lún. Nếu chần chừ không đi thì càng lúc bánh xe càng lún sâu xuống bùn và bị kẹt luôn.

Cũng vậy, Sa-môn phải xem tình dục thế gian còn nguy hiểm hơn con trâu chở nặng đương mắc lầy. Bấy giờ phải trực tâm nhớ đạo, nghĩa là tâm luôn luôn một bề nhớ giáo lý Phật dạy, không nghĩ tới ngũ dục thế gian, như vậy mới có thể khỏi được khổ. Nếu mình cứ lừng chừng, coi thường việc tu thì giống như con trâu bị lầy lún luôn cả các bánh xe, không thể nào kéo lên nổi. Cho nên muốn thoát vòng ngũ dục thế gian, tâm luôn luôn nghĩ nhớ pháp mình đang tu không bao giờ quên, gọi là nhớ đạo. Như đang quán lý vô thường thì

đi đứng nằm ngồi gì cũng nhớ vô thường, đang quán lý nhân duyên thì đi đứng nằm ngồi đều nhớ nhân duyên, không nghĩ chuyện khác, như vậy mới có thể thoát khỏi sự khổ.

Còn người nào quên hoài, cái khổ đó chưa chắc hết nổi.

CHƯƠNG 42

Chánh văn:

Phật nói: Ta xem ngôi vị vương hầu như bụi qua kẽ hở, xem vàng ngọc quý báu như ngói gạch, xem y phục lụa là như giẻ rách, xem đại thiên thế giới như một trái kha tử, xem nước ao A-nậu như dầu thoa chân, xem pháp môn phương tiện như đống báu hóa hiện, xem pháp Vô thượng thừa như trong mộng được

vàng lụa, xem Phật đạo như hoa trước mắt, xem thiền định như núi Tu-di đứng vững, xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức, xem sự đảo chánh như sáu con rồng múa, xem pháp bình đẳng như chỗ đất chân thật, xem sự hưng hóa như cây bốn mùa.

Giảng:

Phật dạy chúng ta phải có cái nhìn giống như Phật, tức là cái nhìn của người giác ngộ. Chỉ có nhìn đúng như vậy mới là chánh kiến.

Trước hết nói về danh lợi thế gian. Người đời tranh danh đoạt lợi, đức Phật thấy danh vị vua chúa chẳng khác nào những hạt bụi trong kẽ hở lăng xăng, không có nghĩa lý gì.

Thế gian ham muốn vàng bạc, ngài xem chúng như ngói gạch, để ngó chơi chứ không tham tiếc.

Thế gian chọn đồ mặc sang đẹp, ngài thấy y phục lụa là như giẻ rách, vì vậy người tu phải mặc áo bá nạp là áo do lượm giẻ rách giặt giũ, chắp vá lại, kết thành áo. Người tu hạnh đầu đà thường mặc y này.

Ngài *xem đại thiên thế giới như trái kha tử*. Trái kha tử có chỗ nói giống trái cau, có chỗ nói giống trái xoài. Thế giới tam thiên đại thiên đối với mình rất lớn, đức Phật chỉ xem bằng trái xoài, trái cau chứ không có gì quan trọng.

Ngài *xem nước ao A-nậu như một chút dầu thoa chân*. Ao A-nậu rất lớn giống Biển Hồ ở nước Miên, nhưng ở trong núi Tuyết nên gọi là ao. Đức Phật chỉ xem nó như một chút dầu thoa chân.

Hai việc: Xem thế giới tam thiên như trái kha tử; xem nước ao A-nậu như chút dầu thoa chân. Đứng về mặt lý, khi đạt lý, đối với tất cả tướng không còn phân biệt lớn nhỏ; đứng về mặt sự, đức Phật đã thấy trùm hết cả mười phương thế giới, cái thấy của ngài bao quát khắp cả nên thế giới tam thiên dù lớn bao nhiêu đối với ngài cũng là một chút xíu, không đáng kể, giống như một trái kha tử. Và dù ao A-nậu to mấy, đối với ngài, cũng chỉ như một chút dầu.

Ngài *xem pháp môn phương tiện như một đống của báu hóa hiện*. Những phương pháp Phật dạy chỉ là những phương tiện tùy người chỉ dạy chứ không thật. Cũng như thầy thuốc tùy bệnh cho toa, nếu người không bệnh, những toa đó đem bỏ sọt rác, không còn nghĩa lý gì. Vì vậy, phương tiện Phật giáo hóa là tùy

người, tâm bệnh thế nào Phật dạy phương pháp đối trị thế ấy. Người nào tâm bệnh hết, các phương pháp Phật dạy không còn giá trị nữa. Tổ Huệ Năng nói: *Kinh Phật dạy để trị tất cả tâm bệnh chúng sanh, tâm ta không bệnh, đâu cần gì kinh*. Tất cả những lời Phật dạy trong các kinh là những phương tiện giáo hóa chúng sanh. Khi mình còn bệnh phải thấy kinh điển hết sức quan trọng. Thí dụ có người bị bệnh đau bụng, toa thuốc trị đau bụng rất cần thiết, không thể bỏ quên. Khi nào hết đau, toa thuốc quăng bỏ không cần nhớ nữa.

Chúng ta tu phải hiểu phương tiện Phật dạy. Thí dụ có người tu pháp môn niệm Phật, niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà để được giải thoát. Người tu thiền thì đếm hơi thở, hít vô đếm một, thở ra đếm hai, tới mười bỏ, đếm trở lại v.v... Nếu

người niệm Phật chê người tu thiền đếm hơi thở đâu có nghĩa lý gì, phải niệm Phật mới linh nghiệm, bởi vì niệm Phật, Phật cứu, còn đếm một hai ai cứu mình? Nói như vậy là không hiểu phương tiện Phật dạy.

Trong các kinh dạy về Tịnh độ, Phật nói do chúng sanh tâm tán loạn, không bao giờ dừng một chỗ, muốn họ phát trí tuệ thanh tịnh phải làm cho tâm họ yên lặng. Đối với người nhiều niềm tin, Phật dạy họ niệm danh hiệu Phật, Nam-mô A-di-đà Phật, cứ niệm luôn luôn, miệng niệm, tai nghe, tâm không nhớ nghĩ việc khác, được vậy là tâm định. Nên nói: Niệm một niệm để phá tất cả niệm. Kinh Di-đà dạy: *Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân*

lâm mạng chung thời, A-di-đà Phật dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Nghĩa là nếu một ngày hoặc hai ngày cho đến bảy ngày được nhất tâm, tức là một niệm không xao lãng, nhắm mắt sẽ thấy Phật Di-đà hiện ra, tiếp dẫn về Tây phương.

Nhất tâm đó trong nhà thiền gọi là định. Tâm định, trí tuệ sáng suốt là Phật tánh hiện, đó là Phật Di-đà chứ không đâu xa. Như vậy người niệm Phật nhất tâm liền thấy Phật Di-đà, cũng như người tu thiền được định thì trí tuệ phát ra, trí tuệ là Phật. Chúng ta bị kẹt trong danh từ, nghe nói Phật Di-đà phóng quang tiếp độ rồi cho là niệm Phật linh, còn đếm hơi thở không linh. Phương pháp đếm hơi thở vừa nhớ hơi thở ra vào, vừa nhớ số mình đang đếm, chăm chú không nghĩ gì khác, như vậy là tâm định. Việc làm tuy khác nhưng mục đích trụ tâm không hai. Do đó,

pháp môn phương tiện là Phật tùy người mà giả lập.

Đối với người trẻ, sức tin vào mình mạnh mẽ, Phật dạy họ tu thiền, nhắm thẳng vào mình mà tu. Còn đối với người tin Phật, nhớ Phật, ngài mượn danh hiệu Phật cho họ niệm, cốt cho tâm thanh tịnh. Vì vậy Phật dạy chúng ta phải hiểu pháp môn phương tiện của ngài chỉ là những thứ báu hóa hiện tạm thời, không có thật.

Ngài *xem pháp Vô thượng thừa như trong giấc mộng được vàng lụa*. Pháp Tối thượng thừa là pháp cao nhất của Phật dạy mà ngài chỉ xem như vàng lụa trong mộng. Còn mộng thì còn dùng, tỉnh rồi vàng lụa đâu còn! Tất cả những pháp Phật dạy, từ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa cho đến Tối thượng thừa đều là pháp đối đãi, còn mê thì còn lập phương tiện từ thấp lên cao cho tới cao tột đỉnh, nhưng

khi giác ngộ hoàn toàn, tất cả đều không dùng nữa. Kinh Lăng-nghiêm nói *Niết-bàn sanh tử đẳng không hoa*, nghĩa là Niết-bàn hay sanh tử đều là hoa đốm trong không.

Ngài *xem Phật đạo như hoa trước mắt*. Phật đạo là đạo giác ngộ cứu cánh. Phật đạo là đối với chúng sanh đạo. Đến chỗ giác ngộ viên mãn, chúng sanh đạo không còn, Phật đạo cũng không lập, nên nói như hoa trước mắt, không bền, không thật, vì nó còn nằm trong vòng sanh diệt.

Xem thiền định như núi Tu-di vững vàng, không bao giờ lay động.

Xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức. Chúng ta tu, khi nhớ việc thế gian là mê, sực tỉnh sống lại với hiện tại tu hành là tỉnh, khi mê khi tỉnh, cũng giống như ngày thức đêm ngủ, thức là tỉnh, ngủ là mê, ngủ thức luôn luôn nối tiếp nhau. Nếu

chúng ta tu hành đến cứu cánh tột bậc, tức Niết-bàn, lúc đó hoàn toàn tỉnh giác, nên nói Niết-bàn như ngày đêm đều thức.

Xem sự đảo chánh như sáu con rồng múa. Đảo chánh là chuyện phải quấy thế gian. Thế gian mê lầm chấp chặt phải quấy, tranh đua nhau không cùng, còn với Phật, ngài thấy phải quấy thế gian chẳng khác nào rồng múa, khi đổi đầu làm đuôi, lúc lộn đuôi làm đầu, không thật, không nghĩa lý. Thí dụ ở một nơi nào đó, người lớn đặt ra quy luật thế này là phải, làm khác là quấy, những người nhỏ ở dưới cứ theo đó mà làm và định việc phải quấy. Nhưng ở nơi khác lại quy định phải quấy ngược lại. Vậy phải quấy lấy đâu làm tiêu chuẩn? Nó thay đổi tùy theo quan niệm của con người, người hiểu thế này cho thế này là phải, người hiểu thế khác cho thế

khác là phải, không cố định. Nếu cứ cố chấp rồi rầy rà nhau là làm việc vô ích.

Kinh A-hàm có câu chuyện: Một thầy Tỳ-kheo sống trong rừng, một cô gái trong xóm thấy ngài tu hành thanh tịnh nên kính trọng, mỗi ngày đem cơm cúng dường. Được ít lâu, nàng bị người trong xóm đàm tiếu chuyện không hay. Vị Tỳ-kheo nghe rồi buồn khổ, tự nghĩ: Ta tu hành thanh tịnh lại bị nói xấu như vậy, tủi nhục quá! Ngài leo lên ngọn cây cao định thắt cổ tự vận, nhưng chưa kịp quyên sinh, chợt có vị thần hiện lên hỏi: Nếu có người nói ông chứng A-la-hán khi ông chưa chứng, ông có thành A-la-hán không? Đáp: Không. Thần lại hỏi: Nếu có người nói ông là tướng cướp, ông có thành tướng cướp không? Đáp: Không. Thần bảo: Như vậy ông tu hành thanh tịnh, nếu người ta nói ông phạm giới, ông cũng đâu thành kẻ

phạm giới, việc gì phải tự tử. Nghe vậy, ngài liền thức tỉnh.

Hoặc ở thế gian có người trong lúc giận, mắng mình là con chó, mình có thành con chó không? Cũng vậy, mình tốt mà họ nói mình xấu, mình cũng đâu thành kẻ xấu. Chúng ta thường không hiểu, nghe ai nói xấu thì không chịu, nổi giận liền, đó là bị lệ thuộc lời nói. Người ta nói mình tướng cướp, mình không ăn cướp thì đâu thành tướng cướp, sao lại giận? Còn mình chưa chứng A-la-hán, người ta nói mình chứng, mình cũng đâu thành A-la-hán. Thí dụ mình tu hành lôi thôi, người ta nói mình chứng đạo liền vui mừng là lệ thuộc lời nói. Cho nên người tu phải nhận định chín chắn, nghe ai nói gì phải luôn luôn xét lại tâm mình, hành động mình. Nếu tâm mình thanh tịnh, hành động mình phải, ai nói gì cũng cười

hết. Nếu tâm mình quấy, người ta nói đúng, mình phải tự xét mà ăn năn sám hối, như vậy mới có lợi ích. Nếu nghe chê, không xoay lại mình, vội giận là không nên. Đừng nghe khen vội mừng, nghe chê vội giận, vì khen chê chưa hẳn đúng sự thật. Thế nên, nghe chuyện phải quấy thế gian, đừng vội giận buồn thương ghét, phải xét lại tâm mình. Đừng nghe nói phải liền hùa theo cho là phải, nói quấy liền hùa theo cho là quấy rồi sanh phiền não là không được. Vì vậy Phật dạy phải quấy thế gian như sáu con rồng múa, lộn đuôi làm đầu, lộn đầu làm đuôi, lăng xăng không nhất định.

Xem pháp bình đẳng như chỗ đất chân thật, chỗ y cứ của mọi người, mọi vật. Vì pháp bình đẳng đó không bao giờ có trên sự tướng, chỉ có trên lý tánh. Thí dụ trong một xóm có ba bốn nhà lớn nhỏ mới

cũ khác nhau, nhưng tất cả những nhà đó đều không tránh khỏi vô thường, hư hoại, cũ mục. Như vậy, lý vô thường bình đẳng đối với tất cả các nhà. Đó là giai đoạn một, nói về lý vô thường của Tiểu thừa. Đến giai đoạn hai, lý Bát-nhã bên Đại thừa nói: Tuy hình dáng mỗi người khác nhau, nhưng đều do tứ đại đất, nước, gió, lửa hợp thành. Về mặt tứ đại không ai khác ai.

Nếu chúng ta thường dùng con mắt ấy nhìn, thấy ai cũng như ai, đều là tứ đại hợp thành, đâu có chê người này xấu, khen người kia đẹp, đó là bình đẳng. Đến giai đoạn thứ ba, người đạt lý tánh, thấy ai ai cũng đồng một lý tánh, tất cả đều bình đẳng không hai, không khác. Đó chính là chỗ đất chân thật.

Phật *xem sự hưng hóa như cây bốn mùa*. Hưng hóa là sự suy thịnh ở đời, như cây bốn mùa, đông đổ lá, xuân đâm chồi,

hạ kết trái, thu lá vàng. Đó là nói theo miền Bắc. Còn ở miền Nam, như trên núi này, mùa xuân khô, mùa hạ mưa bắt đầu thì cây xanh um, tới cuối mùa đông khô lại, năm nào cũng vậy, đảo đi đảo lại mãi. Việc suy thịnh của con người cũng vậy, khi mạnh lúc đau, mạnh là thịnh, đau là suy. Việc làm thế gian cũng vậy, được là thịnh, mất là suy; thăng quan tiến chức là vinh, bị giáng chức là nhục, đều là chuyện thường, không có gì quan trọng, như cây theo mùa, đổi thay không chừng. Hiểu như vậy, được không vui, mất không buồn.

Tóm lại, đức Phật có những cái nhìn đúng đắn như thế nên tâm ngài luôn luôn an tĩnh, không buồn phiền, lo sợ./.